

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

TS. Đặng Công Huân

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

Bùi Ngọc Lam

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:

Ths. Nguyễn Thị Hoa

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đức Xuyên

TOÀ SOẠN:

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

Phòng Trị sự:

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

Phòng Phóng viên & Biên tập:

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

Phòng Truyền thông và Phát hành:

ĐT: 080.49082 / 080.49070

Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,

TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622

Email: tapchithanhtra496@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

Bìa 1: Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc,

Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính

phủ trao Cờ thi đua của Chính phủ cho

Thanh tra Chính phủ, ngày 03/6/2018

ẢNH Bìa 1: TTXVN

THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo

IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng

cáo Tân Thành Phát

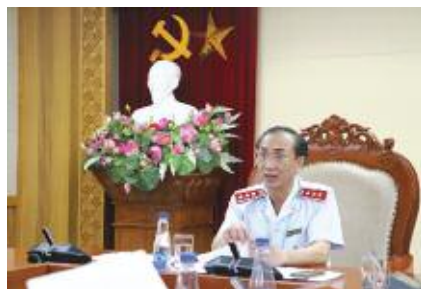
NỘP LƯU CHIẾU: Tháng 10/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành
Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các
Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

CHÍNH LUẬN

3 **Đặng Công Huân:** Đổi mới toàn diện công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực phát triển ngành Thanh tra



5 **Ths. Đỗ Thị Diệp:** Phát huy vai trò của báo chí trong đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI



8 **TS. Nguyễn Tuấn Khanh:** Xác định mức độ công khai, minh bạch trong hành chính - yêu cầu của quản trị Nhà nước và phòng, chống tham nhũng



11 **TS. Mai Văn Duẩn:** Bàn về tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân

MỤC LỤC

15 **Thượng tá, Ths. Lê Thị Hạnh:** Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC



18 **Ths. Đào Thị Hồng Minh:** Phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật

22 **Trương Thị Thanh Vân:** Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phòng ngừa để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả



25 **Nguyễn Thị Ngọc Xinh:** Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng ở tỉnh Cà Mau

27 **Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệt:** Lý luận về "tham nhũng" của V.I.Lênin và sự vận dụng vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay



31 Ths. Phạm Tuấn Anh: Một số yêu cầu công tác của trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo



33 Ths. Vũ Hoàng Quỳnh: Luật Thanh tra 2010 và những vướng mắc đặt ra trong tổ chức và hoạt động thanh tra hiện nay



36 TS. Nguyễn Xuân Trường: Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm xóa bỏ tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp

▣ VĂN HÓA - XÃ HỘI

38 Đào Thanh Tùng: Xao xuyên tháng Mười

39 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh: Trụ cột



▣ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

42 TS. Trần Thị Bích Ngọc: Một số quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trong Nghị định 112/2020/NĐ-CP

44 Quỳnh An: Văn bản mới ban hành

▣ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

46 Dương Nguyễn: Tòa án Chông tham nhũng cấp cao Ukraine: Đổi mới vì một nền tư pháp liên chính





Đổi mới toàn diện công tác thi đua, khen thưởng,

tạo động lực phát triển ngành Thanh tra

(Đ/c Đặng Công Huân,
 Chủ tịch Hội đồng
 Thi đua - Khen thưởng
 ngành Thanh tra,
 Phó Tổng Thanh tra
 Chính phủ trả lời phỏng
 vấn của Tạp chí Thanh tra)



LTS: Hướng tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X và Đại hội Thi đua yêu nước ngành Thanh tra lần thứ V, đồng chí Đặng Công Huân, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Thanh tra, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ đã dành thời gian trả lời phỏng vấn của Tạp chí Thanh tra về một số nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của ngành Thanh tra trong giai đoạn 2015 - 2020. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn:

PV: Thưa Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, thi đua, khen thưởng luôn là động lực cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Xin đồng chí cho biết, trong giai đoạn 2015 - 2020, ngành Thanh tra đã

triển khai công tác này như thế nào để đóng góp vào thành tích của Thanh tra Chính phủ nói riêng và của toàn ngành Thanh tra nói chung?

Đồng chí Đặng Công Huân: Trong 05 năm qua, phong trào thi đua của ngành Thanh tra luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua khen thưởng; hướng trọng tâm tới mục tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương, của bộ, ngành và của ngành Thanh tra trên các lĩnh vực công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, thanh tra, phòng, chống tham nhũng. Qua đó, giúp cho công tác thi đua, khen thưởng có nhiều đổi mới tích cực, hiệu quả.

Về hình thức các phong trào thi đua, Thanh tra Chính phủ đã chia các tổ chức

thanh tra bộ, ngành, địa phương; các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ thành 17 cụm, khối thi đua (10 cụm thi đua của thanh tra các địa phương; 03 khối thi đua thanh tra các bộ, ngành và 04 khối thi đua các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ).

Giai đoạn 2016 đến nay, chủ đề thi đua của ngành Thanh tra là “*Đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, hiệu quả*”, tập trung tăng cường kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, của từng cá nhân; xây dựng tập thể cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh, có đầy đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ đã quan tâm đổi mới nội dung các phong trào thi đua, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở bám sát



nhiệm vụ chính trị của ngành trong từng giai đoạn. Cùng với việc đổi mới về hình thức, nội dung các phong trào thi đua, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức hoạt động thi đua hết sức đa dạng, với hàng loạt các hoạt động thể thao, văn nghệ, giao lưu, hội thảo trong toàn ngành Thanh tra, trong các cụm, khối thi đua, tạo ra không khí sôi nổi, rộng khắp.

Bên cạnh đó, các buổi ký kết giao ước thi đua, sơ kết, tổng kết của các cụm, khối đã được tổ chức thành các buổi tọa đàm, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm làm việc, tháo gỡ những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong tổ chức hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Đặc biệt, công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến luôn được Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Thanh tra Chính phủ coi là nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới phương pháp tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua, bảo đảm thực hiện đồng bộ ở cả bốn khâu: Phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến theo tinh thần của Chỉ thị 34-CT/TW.

Có thể nói, công tác khen thưởng trong 05 năm qua đã được tổ chức thực hiện với phương châm: Kịp thời, đúng người, đúng việc, không khen thưởng tràn lan, khen thưởng chú trọng đến người lao động, người không giữ chức vụ lãnh đạo.

PV: Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cách làm đổi mới và sáng tạo nói trên, công tác thi đua, khen thưởng của ngành Thanh tra thời gian qua có sức lan tỏa ra sao, thưa đồng chí?

Đồng chí Đặng Công Huân: 05 năm qua, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trên các lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, cải cách hành chính đều được nâng lên.

Qua công tác thanh tra đã chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực. Các vụ việc chuyển cơ quan điều tra tiếp tục được quan tâm chỉ đạo xử lý quyết liệt hơn. Cùng

với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều chuyển biến rõ nét, đặc biệt là thúc đẩy việc giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài. Công tác phòng, chống tham nhũng được tăng cường, nhất là trong việc tham mưu triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác này. Đáng chú ý, theo đánh giá của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI), Việt Nam đã tăng 24 bậc so với cùng kỳ giai đoạn trước.

Cùng với việc đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, phong trào thi đua trong lĩnh vực cải cách hành chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng như công tác xây dựng thể chế và nhiều mặt công tác khác đã tạo cơ chế quản lý và điều hành đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; các cuộc vận động của các tổ chức đoàn thể đã được Thanh tra Chính phủ chỉ đạo thực hiện sâu sát, đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao đời sống tinh thần trong cán bộ, công chức. Đặc biệt, từ các phong trào thi đua, nhiều tập thể, cá nhân có những thành tích xuất sắc đã được biểu dương và khen thưởng kịp thời, phát huy được tinh tiên phong, gương mẫu, tích cực, đồng thời có sức lan tỏa sâu, rộng đến các tập thể, cá nhân khác trong toàn ngành, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong thực hiện nhiệm vụ.

PV: Với chủ đề “siết chặt kỷ cương, tăng cường hiệu quả”, theo đồng chí, các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành Thanh tra cần tổ chức, triển khai như thế nào để bảo đảm thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua trong giai đoạn 2020-2025?

Đồng chí Đặng Công Huân: Giai đoạn 2020 - 2025, việc triển khai các phong trào thi đua phải bám sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của toàn ngành để chào mừng kỷ niệm 80 năm

thành lập ngành Thanh tra Việt Nam và các ngày lễ lớn của đất nước. Theo đó, chủ đề xuyên suốt của công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn này sẽ là: “Siết chặt kỷ cương, tăng cường hiệu quả”. Để đảm bảo hiệu quả các phong trào thi đua, các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành cần tập trung vào những nhiệm vụ chính, đó là:

- Tổ chức thường xuyên, liên tục các hội nghị, các buổi thảo luận để học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

- Đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phong trào thi đua với hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực. Phong trào thi đua được phát động cần bám sát với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương và của Thanh tra Chính phủ; đồng thời, tiếp tục hưởng ứng các phong trào thi đua do Trung ương, bộ, ngành, địa phương phát động.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; xây dựng ngành, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

- Tiếp tục xây dựng các gương điển hình tiên tiến trong ngành Thanh tra, coi đây là trọng tâm của công tác thi đua, khen thưởng. Phải có kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng, xây dựng các mô hình mới, nhân tố mới trong từng năm. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Thanh tra sẽ luôn đồng hành, hỗ trợ các đơn vị trong triển khai thực hiện các phong trào thi đua, nhất là trong việc phát hiện, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong toàn ngành.

PV: Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

Kim Dung (thực hiện)



Phát huy vai trò của báo chí trong đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch

 **Ths. Đỗ Thị Diệp**

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Trong tình hình hiện nay, nhất là giai đoạn trước thềm Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội chính trị đang gia tăng các hoạt động tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, việc chủ động, tích cực tham gia đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch vừa là quyền hạn, trách nhiệm của báo chí, vừa là trách nhiệm chính trị, bổ phận của các cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí.

1. Điều 4 Luật Báo chí năm 2016 nêu rõ: Báo chí ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn của Nhân dân.

Báo chí có nhiệm vụ, quyền hạn: Thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước, của Nhân dân; tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; là diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của Nhân dân; phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội...

Như vậy, với vị thế là cơ quan ngôn luận của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, là tiếng nói và diễn đàn của các tầng lớp Nhân dân, báo chí luôn giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin chính thống, thông tin tin cậy cho công chúng, xã hội.

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta, báo chí đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, từng bước đổi mới nội dung và phương thức, thích ứng với xu thế phát triển của nền báo chí hiện đại. Những năm gần đây, tình hình nước ta có những diễn biến phức tạp, tác động không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Bên cạnh dòng tư tưởng chủ đạo là ý thức độc lập dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, kiên trì xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng đang tiềm ẩn những yếu tố bất ổn, đặt ra yêu cầu phải quan tâm đặc biệt cho việc nghiên cứu, đấu tranh tư tưởng, lý luận.

Các thế lực thù địch tung ra các luận điệu sai trái, thù địch bằng mọi loại hình tuyên truyền (tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua internet, truyền truyền trên báo chí). Đây là những luận điệu rất nguy hiểm đối với công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tư tưởng lý luận hiện nay.

Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, Đảng ta xác định: “Đấu tranh, phản bác có hiệu quả đối với các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội và bất mãn chính trị chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc” (*) là một trong các nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân. Đặc biệt, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu



tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Trong thời gian qua, báo chí - với vai trò là kênh thông tin quan trọng ngày càng khẳng định vai trò tiên phong trong việc đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Số lượng các bài viết về chủ đề này trên các báo tuy khác nhau trong mỗi thời điểm nhưng đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bản chất của các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đồng thời vạch rõ những hành động xấu, gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc qua từng vụ việc cụ thể. Báo chí đã tham gia tích cực với các tin bài, chuyên trang, chuyên mục, chương trình chất lượng, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ đấu tranh, làm thất bại âm mưu thâm độc của thế lực thù địch nhằm chống phá sự nghiệp đổi mới của đất nước ta. Trong đó, có những chuyên mục chuyên sâu như: Báo điện tử Đảng Cộng sản có chuyên mục “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”; Tạp chí Cộng sản có chuyên mục “Đấu tranh phản bác sai trái, thù địch”; Báo Quân đội nhân dân có chuyên mục “Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng”, “Chống diễn biến”...

Với những cây bút sắc sảo, uyên thâm về lĩnh vực chính trị, xã hội, báo chí đã kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; vạch trần bộ mặt thật của những đối tượng cơ hội, suy thoái về tư tưởng chính trị; phản ánh kịp thời kết quả đấu tranh, xử lý các đối tượng lợi dụng quyền tự do, dân chủ để kích động gây rối an ninh trật tự. Các bài viết mang tính khoa học và lý luận cao thể hiện sự nghiên cứu công phu, đồng thời chỉ ra những hướng đi mới, cách hiểu mới, đi thẳng vào những vấn đề mà kẻ địch đang tuyên truyền, xuyên tạc

sự thật, bảo đảm tính thời sự. Số lượng bài viết phong phú, sinh động từ cách thức thể hiện, thể loại đến nội dung thông tin phản ánh. Trong đó, thể loại xã luận, bình luận chiếm ưu thế trong việc đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Cùng với việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, các cơ quan báo chí đã tính toán đến thời điểm phát hành, phù hợp với thời điểm chính trị, đánh giá đến các yếu tố chính trị, xã hội trong nước và trong khu vực tác động đến. Mặt khác, các bài báo còn thể hiện ở việc bổ sung, hỗ trợ cho nhau, hình thành nên một luồng dư luận xã hội, thu hút đông đảo độc giả.

Tuy nhiên, trên mặt trận chống “diễn biến hòa bình”, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, báo chí nước ta vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, chưa thật sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và đòi hỏi của tình hình thực tiễn, nhất là đối với những sự kiện “nóng” hoặc những vấn đề “nhạy cảm”. Một số cơ quan báo chí chưa thực sự chủ động, nhạy bén, sắc sảo trong đấu tranh, phản bác những thông tin, quan điểm sai trái, thù địch. Số lượng các bài viết về chủ đề này vẫn còn ít, không đều, thường chỉ tập trung đấu tranh, tuyên truyền khi có sự chỉ đạo của cấp trên. Bài viết mới dừng lại ở việc phản ánh sự kiện, chưa phân tích sâu vấn đề, tính thuyết phục chưa cao.

Tòa soạn một số tờ báo còn thiếu những cây viết sắc sảo, có uy tín trong lĩnh vực này, đội ngũ phóng viên chuyên trách còn thiếu và yếu. Thực tế cho thấy, hiện nay các báo đều “mạnh ai nấy làm” nên xảy ra tình trạng có báo thực hiện tốt việc phản bác các thông tin sai trái nhưng có báo lại thờ ơ, viết bài chiếu lệ khi có sự kiện xảy ra. Do đó, phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan báo chí để tạo thành tập hợp những ngọn giáo sắc nhọn trong trận chiến thông tin, tăng sức mạnh ngăn chặn những luận điệu sai trái, thù địch gây nhiễu loạn thông tin, ảnh hưởng đến công chúng.

2. Hiện nay, trước thềm Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các thế lực thù

địch ở trong nước và quốc tế ngày càng gia tăng các hoạt động quyết liệt và thâm hiểm nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta. Trọng tâm của sự chống phá là xuyên tạc về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo của Đảng và công tác nhân sự Đại hội Đảng các cấp... nhằm hạ thấp uy tín và thành quả cách mạng của Đảng và Nhà nước ta. Do đó, nhiệm vụ đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch càng phải được coi trọng, lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, hiệu quả.

Một trong những nội dung quan trọng được Đảng ta nhấn mạnh là phải chủ động phòng ngừa, cảnh giác, ngăn chặn, đấu tranh, không để tác động, chi phối bởi những thông tin không chính thức, thông tin xấu độc, bịa đặt, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Chủ động chuẩn bị các phương án, biện pháp cụ thể, sát với tình hình; xây dựng lý luận sắc bén để đấu tranh, phản bác có hiệu quả với các quan điểm sai trái, xuyên tạc nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng.

Điều này đòi hỏi báo chí phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng đủ phẩm chất, trí tuệ và bản lĩnh chính trị, tận dụng những ưu thế vượt trội để có những tác phẩm báo chí sắc bén, kịp thời vạch trần những thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, đi ngược lại với lợi ích dân tộc và sự phát triển của cách mạng.

Để phát huy vai trò của báo chí trong đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí trong công tác đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, đấu tranh phản bác các quan điểm, thông tin sai trái, thù địch; tăng cường lãnh



đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm các quy định về siết chặt kỷ luật, kỷ cương báo chí. Tăng cường các tin, bài viết tuyên truyền, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chú trọng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Đảng, những thành quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn, hội thảo khoa học để mỗi cán bộ, phóng viên, nhất là các cán bộ, phóng viên trẻ có điều kiện, cơ hội nhận thức đầy đủ hơn về âm mưu “diễn biến hòa bình”; tích lũy thêm tri thức, trau dồi bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, phát hiện sớm hoạt động chống phá, thông tin sai trái của các thế lực thù địch để đấu tranh ngăn chặn kịp thời.

Hai là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với báo chí trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận chống các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước phải bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho báo chí thông tin, bình luận nhanh nhạy, kịp thời, chân thật về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Bảo đảm cho nhà báo, người dân được quyền tiếp cận thuận lợi với những thông tin không thuộc danh mục bí mật của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới tư duy chỉ đạo, quản lý báo chí theo phương châm: chủ động, kịp thời, thuyết phục, hiệu quả; khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong chỉ đạo, định hướng thông tin giữa các cơ quan chỉ đạo, quản lý; giữa cơ quan chỉ đạo, quản lý với cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí; giữa lãnh đạo báo chí với cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhất là trong cuộc đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Ba là, xác định đúng nội dung, sử dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch là việc làm cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu

dài. Do đó, cần có cách làm bài bản, thận trọng; có nội dung, phương pháp đấu tranh phù hợp với từng đối tượng, từng vụ việc cụ thể. Khi thông tin về đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, những người làm báo cần nắm vững phương châm: Xây là cơ bản, xây để chống hiệu quả, chống kịp thời để xây tốt hơn. Mỗi thông tin về đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch phải bảo đảm chính xác, có căn cứ, bằng chứng rõ ràng, không thêm bớt, không cắt xén, không quy chụp, không võ đoán. Việc tuyên truyền, phản bác phải thể hiện được sự phong phú về nội dung, với nhiều cách trình bày, thể hiện khác nhau như: Viết bài, bình luận, đưa hình ảnh, video... Ngoài những tác giả có học hàm, học vị cũng cần thu hút các cây bút khác, đặc biệt trong giới trẻ để thể hiện cách nhìn đa chiều, cách viết đa dạng, phong phú.

Bốn là, nâng cao năng lực, khả năng đấu tranh, phản bác các quan điểm, thông tin sai trái của các thế lực thù địch cho đội ngũ những người làm báo.

Để hiện thực hóa vai trò, nhiệm vụ của báo chí trong cuộc đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đòi hỏi những người làm báo phải trang bị phẩm chất chính trị, đạo đức, tri thức, nâng cao nhận thức, năng lực tư duy, phản ánh các sự vật, hiện tượng một cách biện chứng, độc lập và sáng tạo, phải thể hiện được bản lĩnh của một chiến sĩ cách mạng. Họ không chỉ có cái nhìn sắc sảo về những vấn đề, sự kiện đang diễn ra mà còn phải có một nền tảng kiến thức rộng, tích lũy qua quá trình nghiên cứu, học tập và làm việc một cách nghiêm túc, chăm chỉ, có như vậy những bài viết mới đảm bảo được yêu cầu của cuộc đấu tranh. Do đó, cần tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, phóng viên chuyên nghiệp mảng đề tài bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm, sai trái thù địch đảm bảo theo hướng tinh gọn, chất lượng, đủ mạnh để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Năm là, có chế độ, chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ những người tham gia đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn

chống phá của các thế lực thù địch; đồng thời tăng cường cơ sở vật chất để phát huy vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh này.

Đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch là cuộc đấu tranh hết sức cam go quyết liệt, đòi hỏi phải có đội ngũ những cán bộ, nhà báo, phóng viên có trình độ và khả năng đặc biệt. Do đó, để động viên, “giữ chân” người viết và kể cả những người tham gia tương tác trên “trận địa” này, các cơ quan báo chí phải có các chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp. Đặc biệt, cần có những chính sách, biện pháp bảo vệ họ trước những phần tử chống đối, cơ hội chính trị cực đoan. Ngoài ra, qua những đợt đấu tranh hoặc một khoảng thời gian nhất định nên tổ chức chọn lọc những bài viết tốt theo từng nhóm chủ đề để biên tập, xuất bản thành sách, phát hành rộng rãi đến đồng đảo bạn đọc. Đồng thời, trang bị đầy đủ phương tiện làm việc như máy móc, trang thiết bị, công tác phí... để cán bộ, phóng viên và cộng tác viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Chú thích:

(*) *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, năm 2016, tr.39.*

Tài liệu tham khảo:

1. *Hội đồng Lý luận Trung ương: Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015;*
2. *Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Kiên định, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019;*
3. *PGS, TS. Phạm Văn Linh, Phát huy vai trò của báo chí góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, Tạp chí Tuyên giáo, số 2-2017, tr.11-15;*
4. *TS. Nguyễn Như Trúc, Nhận diện một số thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên internet, mạng xã hội và giải pháp phòng, chống, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 5-2018, tr.62-64;*
5. *Nguyễn Văn Hải, Báo chí điện tử phát huy vai trò trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, <http://tuyengiao.vn>, ngày 20/01/2020.*



XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG HÀNH CHÍNH - YÊU CẦU CỦA QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG^(*)

TS. Nguyễn Tuấn Khanh

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra, TTCP

Công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hành chính Nhà nước có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao năng lực quản trị công và phòng, chống tham nhũng. Thời gian qua, cộng đồng quốc tế cũng như tại Việt Nam đã áp dụng một số chỉ số để đánh giá hiệu quả quản trị Nhà nước và phòng, chống tham nhũng từ một số góc độ. Tuy nhiên, hiện chưa có chỉ số thống nhất để đánh giá tổng quát mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Yêu cầu về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của Nhà nước xuất phát từ luận thuyết nền tảng là quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân. Hiện nay, cộng đồng quốc tế xác định minh bạch là điều kiện đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước, là yêu cầu quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, bảo đảm tính pháp quyền của Nhà nước dân chủ.

Việc xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hành chính Nhà nước gắn liền với đánh giá hiệu quả quản trị Nhà nước phụ thuộc vào điều kiện thực tiễn của mỗi quốc gia. Thời gian qua, một số tổ chức quốc tế đã gợi mở, đưa ra các tiêu chí để đánh giá và thường là các tiêu

chí chung, mang tính tổng hợp để đánh giá hiệu quả quản trị Nhà nước. Mức độ về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động hành chính Nhà nước được xác định là các tiêu chí thành phần. Ngân hàng Thế giới (World Bank) đưa ra 6 tiêu chí để đánh giá khả năng quản trị Nhà nước, trong đó, trách nhiệm giải trình thuộc nhóm tiêu chí đầu tiên. Ủy ban Kinh tế và xã hội đối với Châu Á và Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (UNESCAP) đưa ra 8 tiêu chí để đánh giá quản trị Nhà nước tốt, trong đó có hai tiêu chí là: Bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm báo cáo, giải trình. Sáng kiến về Chính phủ mở (OGP) là sáng kiến quốc tế mang tính tự nguyện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các chính

phủ, khuyến khích sự tham gia của công dân và tăng cường khả năng đáp ứng của Chính phủ đối với người dân. OGP chính thức đi vào hoạt động từ năm 2011, đến nay đã có 79 quốc gia và 20 chính quyền địa phương gia nhập. Một quốc gia đủ điều kiện gia nhập OGP nếu đạt được tối thiểu 75% số điểm tối đa (hay 12 trên 16) dựa trên bốn tiêu chí, trong đó có hai tiêu chí là: Minh bạch tài khoá và tiếp cận thông tin. Điểm đáng lưu ý là các tiêu chí trên có thể được chấm điểm cụ thể.

Ở Việt Nam, “công khai”, “minh bạch” và “trách nhiệm giải trình” trong tổ chức và hoạt động hành chính gắn bó chặt chẽ với nhau. “Công khai” và “trách nhiệm giải trình” đều có thể coi là phương thức để

^(*) Bài viết của tác giả trong khuôn khổ tham gia đề tài KX.01.41/16-20, thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia.



hướng tới sự “minh bạch”. “Trách nhiệm giải trình” là thuật ngữ pháp lý mới xuất hiện trong vài năm trở lại đây. Việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước ở Việt Nam không chỉ xuất phát từ yêu cầu của quá trình cải cách, đổi mới chức năng quản lý Nhà nước, đặc biệt là cải cách hành chính, mà còn xuất phát từ những yêu cầu của quốc tế với những cam kết quốc tế của Việt Nam.

Tại Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, Chương VI có ghi rõ nội dung: “Công bố định kỳ và kịp thời các luật, quy định và các thủ tục hành chính khác liên quan đến việc thực hiện Hiệp định, và chỉ rõ ngày có hiệu lực và cơ quan Chính phủ là đầu mối liên hệ”. Với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), minh bạch hóa là vấn đề đặc biệt quan trọng và là vấn đề được quan tâm trong quá trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam. Minh bạch hóa cũng là một trong những cam kết mà Việt Nam cần phải thực hiện ngay sau khi chính thức trở thành thành viên của WTO. Các cam kết của Việt Nam về minh bạch hóa trong WTO bao gồm các cam kết về minh bạch được áp dụng chung cho các thành viên WTO được nêu trong các hiệp định của WTO... Riêng trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, Điều 13 Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã khuyến cáo các quốc gia trong khả năng có thể và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động của các cá nhân và tổ chức ngoài khu vực công. Trong các biện pháp được Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng đưa ra có yêu cầu: “Tăng cường tính minh bạch trong các quy trình ra quyết định, thúc đẩy đóng góp của công chúng vào các quy trình ra quyết định; đảm bảo cho công chúng được tiếp cận thông tin một cách hiệu quả...”.

Yêu cầu công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động

của cơ quan hành chính Nhà nước thời gian qua đã được thể chế trong nhiều đạo luật. Ví dụ, trong Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 đã quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ là: “*Minh bạch, hiện đại hóa hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan hành chính Nhà nước các cấp; bảo đảm thực hiện một nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, phục vụ Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân*”⁽¹⁾. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 cũng quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương là: “*Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân*”⁽²⁾. Việc đánh giá hiệu quả quản lý chất lượng tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước đã trở thành một trụ cột trong cải cách nền hành chính. Đồng thời, nhu cầu nâng cao hiệu quả quản trị Nhà nước gắn với phát huy dân chủ trong đời sống xã hội đòi hỏi phải xây dựng tiêu chí xác định mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước.

Hiện nay, Việt Nam không có bộ tiêu chí để áp dụng thống nhất nhằm xác định mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước. Mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước chỉ được đo lường từ một số khía cạnh khác nhau trong cấu thành của một số bộ chỉ số đánh giá liên quan đến hoạt động hành chính như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI), chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR INDEX), bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh (PACA), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành ở địa phương (DDCI - Department &

District Competitiveness Index); chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS - Satisfaction Index of Public Administrative Services) ...

Trong các bộ chỉ số trên, có chỉ số xác định khá chi tiết một số tiêu chí thành phần về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Ví dụ, trong PCI, riêng tiêu chí về tính minh bạch, có các thành phần như: Thông tin mời thầu được công khai; điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh... PAPI tập trung tìm hiểu hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công dựa trên đánh giá và trải nghiệm của người dân, với dữ liệu được thu thập thường niên. PAPI bao gồm 06 chỉ số lĩnh vực nội dung, 22 chỉ số nội dung thành phần và 92 chỉ tiêu thành phần về hiệu quả quản trị và hành chính công của toàn bộ 63 tỉnh/thành phố. 06 chỉ số lĩnh vực nội dung, trong đó có 02 chỉ số là: Công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân. Trong báo cáo PAPI, chỉ số công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc ra quyết định với các nhóm chỉ tiêu tương ứng sau: (I) Nhóm chỉ tiêu về công khai, minh bạch gồm các chỉ tiêu như: Công khai, minh bạch về việc lập danh sách hộ nghèo; công khai thu chi ngân sách cấp xã, phường; công khai quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất; (II) Nhóm chỉ tiêu thuộc trách nhiệm giải trình gồm: Tiếp xúc với các cấp chính quyền và hiệu quả của việc tiếp xúc với các cấp chính quyền khi có bức xúc, thắc mắc; chính quyền phúc đáp các đề xuất, khiếu nại, tố cáo của người dân...

PACA xác định công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan Nhà nước có vai trò chủ động, tích cực trong chống tham nhũng, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực. Xác định được tầm quan trọng đó, PACA 2017 đã dành 9 điểm cho nội dung này, trong đó tập trung vào đánh giá việc công khai minh bạch trên 06 lĩnh vực (công tác cán bộ; tài chính và ngân sách Nhà nước; đất đai, tài



nguyên; đầu tư, mua sắm công; giáo dục; y tế). Một điểm lưu ý là trong PACA, những chỉ số đánh giá liên quan đến nội dung công khai, minh bạch được giải thích khá rõ với những mức điểm cụ thể.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn áp dụng các bộ chỉ số đo lường liên quan đến hiệu quả quản trị công như đã nêu trên có thể thấy các tiêu chí về “trách nhiệm giải trình” trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước nằm trong thể thống nhất, không thể tách rời với “công khai”, “minh bạch”. Nếu các tiêu chí cụ thể trong các bộ chỉ số không được thể hiện thống nhất, rất khó cho việc tiếp tục kế thừa và phát triển.

Hoạt động hành chính Nhà nước tuy luôn có tính linh hoạt nhưng có những trụ cột không thể thiếu đó là thực thi quyền lập quy và quyền hành chính, gắn liền với việc ban hành các quyết định cá biệt, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Chức năng đó luôn được thực hiện bởi tổ chức bộ máy hành chính và đội ngũ công chức. Đây có thể coi là những yếu tố ổn định. Trên cơ sở các quy định của pháp luật và những vấn đề đặt ra trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và thực tiễn nền hành chính hiện nay, các tiêu chí công khai, minh bạch

và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước trước hết cần tập trung vào 06 lĩnh vực. Khi xác định được mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trên cả 06 lĩnh vực này, về cơ bản sẽ đánh giá được một cách tổng thể mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của cả hệ thống hành chính. Đó là các lĩnh vực sau: Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật; tổ chức bộ máy; công chức, công vụ; tài chính công; tổ chức thực hiện nhiệm vụ hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Các chỉ số trong 06 lĩnh vực trên đây được đề xuất phạm vi mới là những chỉ số khung, cơ bản. Để áp dụng vào thực tiễn cần được chuyển hóa thành bảng chỉ số với mức độ tính điểm cho từng chỉ số thành phần tương ứng với việc thực thi trách nhiệm từng chủ thể trong từng lĩnh vực. Sau khi thống nhất được các chỉ số chi tiết, để áp dụng các chỉ số vào thực tế thì cần có quyết định chính thức từ phía các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội để chủ trì thực hiện việc đánh giá mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính

Nhà nước. Quá trình đánh giá cần kết hợp cả ba phương thức mà nhiều tổ chức quốc tế đã sử dụng và cũng được áp dụng để đo lường trong một số bộ chỉ số đánh giá ở Việt Nam thời gian qua là:

Thứ nhất, tổng hợp và sử dụng thông tin, số liệu từ các báo cáo chính thức của các cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung đánh giá.

Thứ hai, tiến hành điều tra, khảo sát ý kiến, cảm nhận của những cá nhân có trải nghiệm thực tế về các nội dung theo các chỉ số được đánh giá.

Thứ ba, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học thông qua việc tổ chức các hội thảo/tọa đàm/phòng vấn sâu. . .

Kết hợp đồng thời ba phương thức trên, cơ quan, tổ chức dựa vào các mức điểm cụ thể đạt được trên từng nội dung để xây dựng báo cáo đánh giá, xếp hạng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc công khai, minh bạch tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước./.

Chú thích:

(1) Khoản 5 Điều 5 Luật Tổ chức Chính phủ 2015;

(2) Khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.





Bàn về tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân

 **TS. Mai Văn Duẩn**

Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh

1. Về khái niệm cán bộ tiếp công dân

Theo quy định của pháp luật hiện hành về tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân bao gồm các nhóm người sau:

Thứ nhất, là cán bộ, công chức thuộc biên chế của ban tiếp công dân các cấp. Đây là cán bộ tiếp công dân chuyên trách. Công việc của họ là tiếp công dân, xử lý đơn thư, đơn đóc, theo dõi, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đề nghị.

Thứ hai, là cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thường xuyên tại các trụ sở tiếp công dân, nơi tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc của cơ quan, đơn vị. Đây có thể là những cán bộ, công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, được thủ trưởng cơ quan phân công thường trực tiếp công dân theo lịch tiếp công dân hoặc xử lý đơn thư khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Thứ ba, là thủ trưởng, hoặc phó thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công hoặc triệu tập tham gia tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, ngành; chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh... tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. Đây là những cán bộ lãnh đạo của cơ quan, tổ



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

chức đơn vị được phân công tham gia các phiên tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất của thủ trưởng cấp trên trực tiếp hoặc các phiên tiếp công dân thuộc trách nhiệm của mình tại trụ sở, địa điểm tiếp công dân.

Theo đó, có thể hiểu cán bộ tiếp công dân là cán bộ, công chức thuộc biên chế của ban tiếp công dân các cấp; cán bộ, công chức được cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc người có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc được phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư thường xuyên tại trụ sở, địa điểm, nơi tiếp công dân hoặc nơi làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Về tiêu chuẩn đối với cán bộ tiếp công dân

- *Tiêu chuẩn chung đối với cán bộ tiếp công dân*: Pháp luật hiện hành chưa

có quy định cụ thể về tiêu chuẩn đối với cán bộ tiếp công dân. Tuy nhiên, Điều 28, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012, quy định cán bộ tiếp dân là công chức Nhà nước và khoản 1, Điều 34 Luật Tiếp công dân quy định “*Người tiếp công dân phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nắm vững chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, am hiểu thực tế, có khả năng vận động, thuyết phục quần chúng, nhiệt tình, bảo đảm yêu cầu về sức khỏe và có trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao*”.

Như vậy, theo quy định pháp luật thì tiêu chuẩn của cán bộ tiếp công dân phải đảm bảo đủ hai điều kiện: (1) Là công chức; (2) Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nắm vững chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, am hiểu thực tế, có khả năng vận động,



thuyết phục quần chúng, nhiệt tình, bảo đảm yêu cầu về sức khỏe và có trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao.

Với những quy định pháp luật nêu trên, các địa phương có sự vận dụng khác nhau. Cơ bản, các địa phương đều thực hiện tốt, bố trí công chức làm công tác tiếp công dân. Tuy nhiên, nhiều địa phương, nhất là cấp huyện, công chức làm công tác tiếp công dân thường kiêm nhiều công việc văn phòng khác chứ không có công chức tiếp công dân chuyên trách, mặc dù ở địa phương đó tình hình khiếu kiện, và số lượng vụ việc, đơn thư tương đối nhiều. Một số địa phương cấp huyện còn phân công viên chức làm công tác tiếp công dân, cá biệt có địa phương bố trí hợp đồng 68 thường trực tiếp công dân. Nguyên nhân là do chỉ tiêu biên chế công chức bị hạn chế. Mặt khác, cũng thể hiện người đứng đầu cơ quan chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác này.

Việc quy định cán bộ tiếp công dân phải là người có năng lực chuyên môn, nắm vững chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, am hiểu thực tế, có khả năng vận động, thuyết phục quần chúng là một đòi hỏi cao. Tiếp công dân là việc khó, chịu nhiều áp lực nhưng chế độ, chính sách dành cho họ còn hạn chế, không tương xứng với yêu cầu, tiêu chuẩn đặt ra (như trên). Do vậy, chưa thu hút được nhiều công chức thực sự có năng lực, bản lĩnh và nhiệt tình trong công việc.

Thực tiễn cho thấy, ở một số địa phương, người đứng đầu chưa thực sự quan tâm đến công tác tiếp công dân; phân công cán bộ, công chức chưa có kinh nghiệm, chưa được trang bị, đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, kỹ năng tiếp công dân, thiếu bản lĩnh, không am hiểu nhiều về pháp luật, nhất là pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo làm nhiệm vụ tiếp công dân. Khi làm việc với công dân, nhất là đối với những công dân có trình độ, có sự am hiểu về pháp luật, về thực tiễn công tác (cán bộ về hưu, luật sư...) thường còn lúng túng, hướng dẫn, giải thích không có tính thuyết

phục. Điều đó phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc; ảnh hưởng đến hình ảnh cán bộ tiếp công dân.

- Tiêu chuẩn cụ thể về chức vụ đối với trưởng ban và phó trưởng ban tiếp công dân các cấp: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân thì Trưởng Ban Tiếp công dân Trung ương tương đương vụ trưởng, Phó trưởng Ban Tiếp công dân Trung ương tương đương phó vụ trưởng do Tổng Thanh tra Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm (*khoản 1*); trưởng ban tiếp công dân cấp tỉnh do một phó chánh văn phòng UBND phụ trách, phó trưởng ban tiếp công dân cấp tỉnh tương đương cấp trưởng phòng. Trưởng ban, phó trưởng ban tiếp công dân cấp tỉnh do chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm (*khoản 2*). Trưởng ban tiếp công dân cấp huyện do một phó chánh văn phòng Hội đồng nhân dân (HĐND) và UBND phụ trách. Trưởng ban tiếp công dân cấp huyện do chủ tịch UBND cấp huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm (*khoản 3*).

Do việc quy định về chức vụ trưởng ban, phó trưởng ban tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện không cụ thể nên các địa phương (cấp tỉnh) thực hiện có khác nhau, chủ yếu theo hai cách:

Thứ nhất, bổ nhiệm trưởng ban tiếp công dân đối với phó chánh văn phòng. Trong trường hợp này, trưởng ban tiếp công dân chỉ mang tính kiêm nhiệm, tượng trưng để phụ trách chung theo lĩnh vực được phân công và ký các văn bản thừa lệnh chủ tịch UBND; và sẽ phân công 01 phó trưởng ban đảm nhiệm các công việc của ban tiếp công dân.

Thứ hai, bổ nhiệm trưởng ban tiếp công dân nhưng không giữ chức phó chánh văn phòng. Trong trường hợp này, ban tiếp công dân vẫn do 01 lãnh đạo văn phòng UBND phụ trách (chánh văn phòng hoặc phó chánh văn phòng UBND) để ký thừa lệnh chủ tịch UBND đối với những văn bản do chủ tịch UBND ký; phụ trách chung công

tác tiếp công dân, giải quyết khiếu tố; và tham mưu cho chủ tịch UBND giải quyết các công việc trong lĩnh vực này (trưởng ban tiếp công dân không tham mưu trực tiếp cho chủ tịch UBND tỉnh).

Hai cách tổ chức, bổ nhiệm nêu trên đối với trưởng ban tiếp công dân đều có những hạn chế. Đó là, cả hai cách đều không có phó chánh văn phòng chuyên trách, mà chỉ là kiêm nhiệm. Nguyên nhân là do, chức danh phó chánh văn phòng bị giới hạn không quá 03 người^(*).

Ngoài ra, mục đích của nhà làm luật khi xây dựng Luật Tiếp công dân, quy định trưởng ban tiếp công dân do 01 phó chánh văn phòng phụ trách với mong muốn giúp cho công tác tiếp công dân nói chung, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng có hiệu quả. Tuy nhiên, nếu trường hợp phó chánh văn phòng UBND, trưởng ban tiếp công dân kiêm nhiệm thì thời gian dành cho công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu tố sẽ ít, không sát sao, thiếu chủ động, hiệu quả công việc không cao (vì còn phải kiêm nhiều công việc khác), khi đó sẽ không đáp ứng được kỳ vọng của nhà làm luật đã đặt ra.

3. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân

Khoản 2 Điều 34 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định: “*Người làm công tác tiếp công dân được hưởng chế độ bồi dưỡng tiếp công dân và các chế độ khác theo quy định của Chính phủ*”. Điều 19 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định người tiếp công dân được hưởng các chế độ chính sách sau: (1) Chế độ bồi dưỡng; (2) Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ tiếp công dân; (3) Người tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở tiếp công dân được hưởng chế độ trang phục tiếp công dân.

- Về chế độ bồi dưỡng: Cán bộ tiếp công dân được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm



nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý theo khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Theo đó:

+ Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được bồi dưỡng 100.000 đồng/1 ngày/1 người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thì được bồi dưỡng 80.000 đồng/1 ngày/1 người. Đối với cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân Trung ương được bồi dưỡng 150.000 đồng/1 ngày/1 người; trường hợp đang hưởng chế độ phụ cấp theo nghề được bồi dưỡng 120.000 đồng/1 ngày/1 người.

+ Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được bồi dưỡng 50.000 đồng/1 ngày/1 người.

Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 320/2016/TT-BTC quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh,*

thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này”.

Điều đó có nghĩa là cán bộ tiếp công dân ở cấp địa phương có thể được hưởng cao hơn mức đã quy định nêu trên, nhưng không vượt quá 20%, tức là mức tối đa mà cán bộ tiếp công dân địa phương có thể được hưởng là 120.000/ngày.

- Về chế độ trang phục: Người tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở tiếp công dân theo Thông tư số 03/2016/TT-TTCP ngày 29/12/2016 của Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở tiếp công dân. Theo đó, đối tượng được cấp trang phục tiếp công dân bao gồm:

+ Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở tiếp công dân Trung ương, trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh, trụ sở tiếp công dân cấp huyện, bao gồm ban tiếp công dân và đại diện các cơ quan, tổ chức: Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh; Văn phòng Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

+ Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có trang phục riêng của ngành thì cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên sử dụng trang phục ngành đó và không được cấp phát trang phục tiếp công dân.

Thời gian qua, các chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân được thực hiện đã có tác động tích cực, tạo sự phấn khởi cho những người làm công tác tiếp công dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện gặp phải một số khó khăn sau:

Thứ nhất, do chưa có hướng dẫn về định mức cụ thể, khi áp dụng chế độ trang phục, các địa phương chủ yếu dựa vào định mức trang phục của ngành Thanh tra. Đây là sự bất cập, bởi trang phục mỗi ngành mỗi khác, trong khi đó định mức trang phục của ngành Thanh tra đã quá cũ, giá thành rất thấp. Nếu thực hiện đúng với định mức này thì chất lượng trang phục sẽ không được đảm bảo.

Thứ hai, Ban Tiếp công dân Trung ương phần lớn thực hiện theo chế độ trang phục thanh tra, nên không có cơ quan đứng ra hướng dẫn về việc may trang phục, các địa phương tự phải chọn nhà may nên mẫu mã, chất liệu không thống nhất, điều này cũng gây ra nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

Thứ ba, do việc phân công cán bộ tiếp công dân không có tính chuyên trách, lại không đúng tiêu chuẩn (cán bộ làm công tác tiếp công dân là viên chức, hợp đồng) nên một số cán bộ mặc dù được phân công làm công tác tiếp công dân nhưng chưa được hưởng đầy đủ chế độ bồi dưỡng, cũng như chế độ trang phục tiếp công dân, đặc biệt là đối với cấp huyện.

Ngoài những bất cập nêu trên, trong quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ tiếp công dân còn không có sự thống nhất. Ở cấp Trung ương, cán bộ tiếp công dân được hưởng mức bồi dưỡng là 150.000 đồng/ngày; ngoài ra còn có phụ cấp ngành thanh tra (25% lương), phụ cấp thâm niên công tác. Trong khi đó, cán bộ tiếp công dân ở địa phương không được hưởng những chế độ này, đây cũng là điều thiệt thòi đối với cán bộ tiếp công dân địa phương.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Về tiêu chuẩn cán bộ tiếp công dân:



- Thanh tra Chính phủ cần tổ chức các cuộc kiểm tra chuyên đề về công tác tiếp công dân. Trong đó chú trọng đến công tác tổ chức, phân công, bố trí cán bộ làm công tác tiếp công dân; việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác tiếp công dân nhằm kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong việc bố trí, phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; đồng thời, có hướng dẫn cụ thể cho các địa phương trong việc vận dụng chế độ, chính sách cho cán bộ tiếp công dân, đảm bảo quyền lợi cho những người làm công tác này theo đúng quy định.

- Thanh tra Chính phủ cần phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành văn bản quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của ban tiếp công dân các cấp, trong đó quy định rõ một số nội dung cụ thể về tổ chức bộ máy ban tiếp công dân và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban tiếp công dân các cấp.

Về chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân: Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng quy định thống nhất chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân từ Trung ương đến cấp huyện. Cụ thể như các chế độ theo nghề đặc thù hoặc một số ưu tiên khác như: Cán bộ tiếp công dân được luân chuyển vị trí công tác ở chức vụ cao hơn; được nâng lương trước thời hạn; được ưu đãi trong thi nâng ngạch; được nhận các hình thức khen thưởng thành tích cao; được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ...

Tóm lại, cũng như công tác tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân có ý nghĩa, vai trò quan trọng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Người tiếp công dân không chỉ là cầu nối giữa người dân với Đảng, cơ quan Nhà nước, mà còn là "hình ảnh" của người cán bộ, công chức công quyền. Nếu cán bộ tiếp công dân thực hiện đúng trọng trách của mình thì sẽ tạo được hình ảnh đẹp trong mắt người dân; ngược lại nếu cán bộ tiếp công dân không làm tốt trọng trách mà cơ quan, tổ chức giao phó sẽ làm giảm niềm tin của người dân đối với cơ quan Đảng, Nhà nước.

Để làm được điều đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải thực sự và thường xuyên quan tâm đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; phải xây dựng được các tiêu chuẩn cụ thể để lựa chọn những cán bộ, công chức có đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có năng lực trình độ, có kinh nghiệm và am hiểu thực tiễn, có tâm huyết với công việc tiếp công dân; đồng thời, phải xây dựng một chức danh dành cho cán bộ tiếp công dân; có chế độ, chính sách phù hợp. Chỉ có như vậy mới thu hút, níu giữ được những cán bộ, công chức có đức, có tài, có mong muốn cống hiến cho "sự nghiệp tiếp công dân" /.

Chú thích:

(*) Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT - VPCP - BNW ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định: "1. Lãnh đạo văn phòng UBND cấp tỉnh gồm có chánh văn phòng và không quá 03 phó chánh văn phòng. Riêng Văn phòng UBND thành phố Hà Nội và Văn phòng UBND thành phố Hồ Chí Minh có không quá 04 Phó Chánh Văn phòng".

CÓ MỘT MÙA THU HÀ NỘI

(Kỷ niệm Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10)

Có những tháng ngày đi qua
Phôi phai dần trong kí ức
Có một mùa Thu hẹn ước
Thành lời bài hát không quên

Hà Nội sáu mươi ngày đêm
Phố hè giăng thành chiến lũy
Mỗi người dân thành chiến sĩ
Vang vang sông Nhị lời thề

Trung đoàn ra đi ngày ấy
Mang trong tim bóng Tháp Rùa
Bước đi đầu còn ngoảnh lại
Hẹn ngày gặp giữa Thủ đô

Vời vợi xanh Năm Cửa Ô
Tháng Mười heo may ngọn gió
Lớp lớp quân về như sóng
Rung rinh màu lá cây rừng

Mắt người Hà Nội rưng rưng
Cờ sao tung bay phấp phới
Có một mùa Thu như thế
Thành lời bài hát không quên!

Lê Hoài Minh





Một số giải pháp

nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC

 **Thượng tá, Ths. Lê Thị Hạnh**

Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Bộ Công an



Hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã xuất hiện, hình thành ngày càng nhiều các khu đô thị, nhà cao tầng, siêu cao tầng, các cơ sở công nghiệp, sản xuất, kinh doanh dịch vụ sử dụng nhiều năng lượng, vật liệu có tính chất nguy hiểm cao về cháy, nổ. Trong khi đó, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; tình trạng ùn tắc giao thông ở các đô thị, biến đổi khí hậu, phong tục tập quán sinh hoạt, sản xuất ở nhiều nơi cũng tiềm ẩn nhiều nguy

cơ cháy, nổ. Trong những năm gần đây, tình hình cháy, nổ ở nước ta diễn biến rất phức tạp, có xu hướng gia tăng cả về số vụ và mức độ thiệt hại về người và tài sản, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đối với môi trường, an ninh trật tự, an sinh xã hội.

Theo báo cáo của Chính phủ, từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2018, cả nước đã xảy ra 13.149 vụ cháy, làm chết 346 người, bị thương 823 người; thiệt hại về tài sản ước tính 6.524,8 tỷ đồng và 6.462 héc-ta rừng. Trung bình mỗi năm xảy ra 3.287 vụ cháy, làm chết 87 người, bị thương 206 người, thiệt hại về tài sản trị giá 1.631,2 tỷ đồng và 1.615,5 héc-ta

rừng. Trung bình mỗi ngày xảy ra 09 vụ cháy, làm chết hoặc bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản ước tính 4,4 tỷ đồng và 5,3 héc-ta rừng. Xác định được tầm quan trọng của công tác phòng cháy và chữa cháy (PCCC), thời gian qua, Bộ Công an đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC.

Hoạt động thanh tra chuyên ngành công an nhân dân (CAND), lĩnh vực PCCC là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về PCCC, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.



Căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng năm, Thanh tra Bộ Công an đã chủ động tham mưu xây dựng, trình Bộ trưởng ký ban hành kế hoạch công tác thanh tra CAND để tổ chức triển khai trong toàn lực lượng, đồng thời ban hành hướng dẫn thanh tra các chuyên đề diện rộng, trong đó có nội dung thanh tra chuyên ngành PCCC. Từ năm 2015 đến hết năm 2019, Thanh tra Bộ Công an đã tham mưu Bộ Công an thành lập 11 đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ, tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC đối với 09 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục Hải quan và Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Kết thúc thanh tra, Bộ Công an đã có 82 kiến nghị đối với chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam; giao cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính về PCCC 38 trường hợp với tổng số tiền phạt là 352.150.000đ.

Căn cứ kế hoạch công tác thanh tra hàng năm của lực lượng CAND, tình hình, đặc điểm của địa phương, yêu cầu của công tác PCCC trên địa bàn quản lý, Cục cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn, sở cảnh sát PCCC (trước đây), công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tiến hành 144 cuộc thanh tra chuyên ngành PCCC đối với tổng số 1.484 đối tượng là các tập đoàn, tổng công ty, ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, chủ rừng và các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Kết thúc thanh tra, các đoàn đã có 2.013 kiến nghị đối với đối tượng thanh tra và các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị xử phạt hành chính 230 trường hợp với tổng số tiền phạt

là 1.026.900.000đ, đề nghị tạm đình chỉ đối với 03 cơ sở.

Thanh tra Bộ Công an đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tiến hành hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành PCCC, đồng thời thường xuyên tiến hành công tác tổng kết thực tiễn đối với lĩnh vực công tác này. Kết quả, công tác thanh tra chuyên ngành đã có đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn, phát hiện nhiều sơ hở, thiếu sót, bất cập trong các quy định của pháp luật về PCCC, qua đó, nâng cao nhận thức pháp luật về PCCC của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đặc biệt là đã làm chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của lãnh đạo chính quyền các cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước về an ninh trật tự; cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm, chú trọng đến công tác PCCC trên các địa bàn, lĩnh vực, chủ động đầu tư kinh phí, cho công tác PCCC, xây dựng các mô hình an toàn PCCC. Đã có nhiều kiến nghị, đề xuất từ kết quả thanh tra góp phần xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC. Hoạt động thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC đã bám sát nhiệm vụ quản lý Nhà nước của lực lượng CAND, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thanh tra chuyên ngành CAND nói chung, thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, phần lớn tập trung thanh tra trách nhiệm quản lý hành chính Nhà nước về PCCC, chưa đi sâu vào những nội dung liên quan đến

chuyên môn, kỹ thuật đòi hỏi yêu cầu về khoa học, công nghệ cao hoặc những đối tượng có tính đặc thù như: Phương tiện cơ giới, phương tiện thủy nội địa, sân bay, bến cảng; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ PCCC, kinh doanh dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ... Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về công tác thanh tra chuyên ngành CAND còn nhiều vướng mắc, bất cập, nhiều nội dung quy định còn chung chung, không phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động thanh tra chuyên ngành quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự nên quá trình tiến hành hoạt động thanh tra còn nhiều khó khăn, vướng mắc; bộ máy thanh tra chuyên ngành PCCC chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; số lượng cán bộ thanh tra chuyên ngành PCCC còn mỏng, chưa thành hệ thống thống nhất, xuyên suốt từ cấp bộ đến địa phương. Đáng chú ý, nguồn lực về vật chất, kỹ thuật, con người phục vụ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành còn hạn chế, trong khi đó, công tác PCCC hiện đã áp dụng những ứng dụng công nghệ hiện đại từ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như: Quản lý cơ sở, quản lý, điều hành hệ thống PCCC qua mạng internet; tiếp nhận, xử lý cảnh báo cháy nhanh kết nối từ cơ sở tới lực lượng cảnh sát PCCC; kết nối hình ảnh hiện trường vụ cháy tới trung tâm chỉ huy chữa cháy; ứng dụng công nghệ thiết kế tòa nhà thông minh, an toàn PCCC; ứng dụng công nghệ trong thẩm duyệt PCCC...

Bên cạnh chức năng, nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Công an, giám đốc công an cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, lực lượng thanh tra CAND, trong đó có thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC còn thực hiện những chức năng,



nhiệm vụ đặc thù của lực lượng vũ trang là giữ vai trò trọng yếu trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, chủ động làm tốt công tác tham mưu nhằm tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, thủ trưởng Công an các cấp đối với công tác thanh tra CAND nói chung và thanh tra chuyên ngành CAND lĩnh vực PCCC nói riêng. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về thanh tra và pháp luật về PCCC; tạo sự quan tâm, đồng thuận, giúp đỡ của các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội đối với việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành pháp luật về PCCC. Thực hiện công khai quá trình thanh tra và kết quả thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế về hoạt động thanh tra chuyên ngành CAND, trong đó có quy định cụ thể về hoạt động thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, theo hướng: (1) Hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy thanh tra chuyên ngành CAND phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của các đơn vị, địa phương trực thuộc Bộ Công an; (2) Hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có chức năng thanh tra chuyên ngành trong CAND; (3) Hoàn thiện các quy định về đối tượng, phạm vi, nội dung, biện pháp tiến hành thanh tra

chuyên ngành; (4) Hoàn thiện quy định pháp luật, lý luận về thanh tra CAND nói chung và thanh tra chuyên ngành CAND lĩnh vực PCCC nói riêng; quy định về mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị được giao chức năng thanh tra chuyên ngành CAND với các cơ quan chức năng trong quá trình tiến hành thanh tra; (5) Hoàn thiện, bổ sung các quy định về trách nhiệm, chế tài nhằm bảo đảm hoạt động thanh tra.

Ba là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành CAND nói chung và thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC có chuyên môn, nghiệp vụ cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới. Tăng cường đủ biên chế, bố trí những đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn, được đào tạo cơ bản về PCCC để theo dõi, nghiên cứu, tham mưu thanh tra chuyên đề này. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ, cập nhật kiến thức chuyên môn và văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực PCCC cho cán bộ để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ khi thanh tra những nội dung có yêu cầu cao về khoa học, công nghệ.

Bốn là, quan tâm thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ làm công tác thanh tra CAND. Nghiên cứu, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, áp dụng các quy định về chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi chính đáng của cán bộ, chiến sĩ thanh tra CAND.

Năm là, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực PCCC giữa cơ quan thanh tra và các đơn vị nghiệp vụ. Sử dụng có hiệu quả chất lượng nguồn nhân lực và các phương tiện kỹ thuật của các đơn vị phối hợp. Quan tâm xây dựng đội ngũ công

tác viên thanh tra đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho công tác viên theo đúng quy định.

Sáu là, đảm bảo cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào hoạt động thanh tra chuyên ngành CAND đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật mới, hiện đại phục vụ công tác thanh tra chuyên ngành PCCC. Tổ chức hội nghị, hội thảo phục vụ tổng kết chuyên đề thanh tra diện rộng nhằm đề ra các phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyên đề phối hợp, quan hệ phối hợp trong hoạt động thanh tra chuyên ngành của lực lượng CAND.

Trong bối cảnh hiện nay, cùng với những cơ hội là thách thức đến từ tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế, đã và đang ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, kinh tế, xã hội trong nước, vì vậy lực lượng công an nói chung, thanh tra CAND nói riêng cần không ngừng học tập, phấn đấu, từng bước kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đủ bản lĩnh chính trị, rèn luyện đạo đức, tác phong, phẩm chất và năng lực công tác, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao./.

Tài liệu tham khảo

1. Luật PCCC năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2013;
2. Luật Thanh tra năm 2010;
3. Báo cáo số 41/BC-ĐGS ngày 17/10/2019 về kết quả giám sát "việc thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC giai đoạn 2014 - 2018" của Đoàn giám sát Quốc hội.
4. Các báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC của Thanh tra Bộ Công an trong các năm: 2015, 2016, 2017, 2018, 2019.



PHÒNG NGỪA NGUY CƠ THAM NHŨNG, LỢI ÍCH NHÓM TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

 **Ths. Đào Thị Hồng Minh**

Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp



Trong những năm qua, ngành Tư pháp đã có nhiều nghiên cứu xoay quanh vấn đề xây dựng pháp luật (XDPL), đổi mới quy trình XDPL, giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng chính sách, đánh giá chính sách... Tất cả các hoạt động trên đều hướng tới mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và phục vụ tốt hơn cho người dân, cho phát triển kinh tế xã hội đất nước. Tuy nhiên, từ trước tới nay chưa có nhiều nghiên cứu đề cập đến vấn đề tham nhũng, lợi ích nhóm trong XDPL. Luật

Phòng, chống tham nhũng (PCTN) hiện hành chưa quy định chính thức về vấn đề tham nhũng trong XDPL và chưa đưa ra bất kỳ khái niệm nào có liên quan đến tham nhũng trong XDPL.

Cụ thể hoá nghị quyết của Đảng, Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020 đã đề ra quan điểm về PCTN là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức, đoàn thể và quần chúng Nhân dân. Một trong các mục tiêu cụ thể của Chiến lược là ngăn chặn, làm triệt tiêu các điều

kiện và cơ hội phát sinh tham nhũng trong việc hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật, nhất là trong quá trình ban hành và tổ chức thi hành các văn bản áp dụng pháp luật.

Vì vậy, phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong XDPL vừa là nhiệm vụ thường xuyên vừa mang tính chiến lược, bảo đảm quan trọng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong tiến trình dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; gắn với yêu cầu bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ; góp phần xây dựng một Chính phủ liêm chính, một hệ thống pháp luật minh bạch, hiệu quả.



Hiện nay chưa có rà soát, tổng kết thực tế về tham nhũng lợi ích nhóm trong XDPL, tuy nhiên qua nghiên cứu và qua thực tiễn quản lý công tác XDPL, có thể “phỏng đoán” tham nhũng, lợi ích nhóm có thể có điều kiện, cơ hội phát sinh khi: Quá trình XDPL thiếu dân chủ, thiếu sự công khai, minh bạch; thiếu trách nhiệm giải trình của cơ quan đề xuất chính sách, chủ trì soạn thảo cũng như cơ quan phê duyệt và thông qua chính sách, VBQPPL; quá trình xây dựng VBQPPL không tuân thủ đúng quy trình chặt chẽ, khoa học; trình độ của người làm công tác XDPL chưa đủ đáp ứng, trình độ dân trí thấp.

Quy định hiện hành về ban hành VBQPPL liên quan đến phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (Luật năm 2015) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

Trong phòng ngừa tham nhũng, lợi ích nhóm, công khai, minh bạch thông tin, nâng cao trách nhiệm giải trình là quan trọng nhất. Các nội dung này được thể hiện thông qua hồ sơ, quy trình xây dựng VBQPPL. Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã có nhiều quy định thể hiện tinh thần và phần nào đáp ứng được yêu cầu về phòng ngừa tham nhũng, lợi ích nhóm trong hoạt động xây dựng, ban hành VBQPPL. Theo đó, những quy định này thể hiện ở nhiều điều, khoản khác nhau: Từ các quy định chung về nguyên tắc xây dựng, ban hành VBQPPL; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong xây dựng, ban hành VBQPPL; những hành vi bị nghiêm cấm trong ban hành VBQPPL đến những quy định cụ thể trong từng giai đoạn của quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL. Các hình thức kiểm soát tham nhũng, lợi ích nhóm có thể thông qua việc thành lập ban soạn thảo, thành phần ban soạn thảo, huy động cá nhân, tổ chức tham gia XDPL. Các bộ lọc để hạn chế nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm bằng việc công khai thông tin, đăng

tải, lấy ý kiến; thông qua hoạt động thẩm định, thẩm tra, xem xét... Cụ thể:

Về một số quy định chung:

Một là, nguyên tắc xây dựng, ban hành VBQPPL. Điều 5 của Luật năm 2015 quy định 6 nguyên tắc trong xây dựng, ban hành VBQPPL. Trong đó, có 03 nguyên tắc thể hiện rõ tinh thần phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong xây dựng, ban hành VBQPPL đó là: Nguyên tắc bảo đảm tính minh bạch trong quy định của VBQPPL; Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Nguyên tắc bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL.

Hai là, trách nhiệm pháp lý của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành VBQPPL. Nhằm nâng cao trách nhiệm pháp lý của các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tham gia vào quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL, tránh gây ra hậu quả xấu cho xã hội, trong đó có hành vi tham nhũng, lợi ích nhóm, Điều 7 Luật năm 2015 quy định về trách nhiệm pháp lý của tất cả cơ quan tham gia vào quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL đối với chất lượng và thời hạn trình dự án, dự thảo VBQPPL. Đặc biệt, Luật năm 2015 quy định trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra sai sót trong các giai đoạn xây dựng, ban hành VBQPPL.

Ba là, quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, ban hành VBQPPL. Trong đó, nghiêm cấm ban hành VBQPPL trái với Hiến pháp, trái với VBQPPL của cơ quan Nhà nước cấp trên; ban hành văn bản không thuộc hệ thống VBQPPL quy định tại Điều 4 của Luật này nhưng có chứa quy phạm pháp luật; ban hành VBQPPL không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.

Đặc biệt, Luật năm 2015 không cho phép quy định TTHC trong các văn bản từ thông tư trở xuống nếu không được luật hoặc nghị quyết giao. Đây là quy định tiên bộ nhằm hạn chế việc lạm dụng ban hành

TTHC từ cấp bộ trở xuống đến địa phương, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ “cài cắm” lợi ích của bộ ngành, địa phương bằng việc tạo ra các “giấy phép con”, “giấy phép cháu” gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Về các quy định cụ thể:

Theo quy định của Luật năm 2015, quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL cơ bản gồm 06 bước sau: (1) Đề nghị xây dựng VBQPPL; (2) Soạn thảo VBQPPL; (3) Lấy ý kiến dự án, dự thảo VBQPPL; (4) Thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo VBQPPL; (5) Thảo luận, xem xét thông qua hoặc ký ban hành dự án, dự thảo VBQPPL; (6) Công khai VBQPPL. Trong mỗi giai đoạn, Luật năm 2015 đều có các quy định mang tính “khóa” nhằm phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm và có thể được khái quát như sau:

Giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL: Trong giai đoạn này, cơ quan đề nghị xây dựng văn bản phải xây dựng chính sách trước khi soạn thảo văn bản, phải đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị để lựa chọn chính sách phù hợp, phải lấy ý kiến đối với đề nghị và thẩm định đề nghị trước khi trình Chính phủ thông qua. Quy trình này có tác dụng nâng cao tính khả thi của VBQPPL, đồng thời cũng góp phần phòng, chống lợi ích nhóm và nguy cơ tham nhũng từ ngay giai đoạn hình thành chính sách. Đặc biệt, để hạn chế việc tự ý thay đổi chính sách nhằm cài cắm lợi ích nhóm và phòng ngừa nguy cơ tham nhũng trong từng giai đoạn của quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL, Luật năm 2015 quy định trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự án Luật, pháp lệnh, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách đó có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách⁽¹⁾.

Giai đoạn soạn thảo VBQPPL: Một trong các quy định thể hiện tinh thần phòng ngừa nguy cơ lợi ích nhóm và tham nhũng trong xây dựng VBQPPL, đó là trong giai đoạn soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), cơ quan



được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thành lập Ban soạn thảo. Việc thành lập Ban soạn thảo nhằm huy động trí tuệ tập thể, bảo đảm tính khách quan trong quá trình soạn thảo VBQPPL, đồng thời kiểm soát việc duy ý chí của cơ quan chủ trì soạn thảo, bảo đảm thống nhất lợi ích tổng thể và hài hòa của toàn xã hội thay vì lợi ích riêng của cơ quan chủ trì soạn thảo, qua đó góp phần phòng ngừa tham nhũng do sơ hở của văn bản kém chất lượng và lợi ích nhóm do cố ý cài cắm trong dự thảo văn bản.

Lấy ý kiến đối với đề nghị và dự án, dự thảo VBQPPL: Luật năm 2015 quy định lấy ý kiến là thủ tục bắt buộc đối với cả đề nghị xây dựng văn bản và dự án, dự thảo văn bản. Việc lấy ý kiến có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng bắt buộc phải đăng tải công khai đề nghị và dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử trong một thời hạn theo Luật định. Trong thời gian lấy ý kiến, nếu chỉnh lý lại dự thảo văn bản đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải công khai báo cáo giải trình, tiếp thu trên các cổng thông tin điện tử.

Thẩm định, thẩm tra đề nghị và dự án, dự thảo VBQPPL: Các quy định của Luật năm 2015 về thẩm định, thẩm tra trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL, từ yêu cầu bắt buộc phải thẩm định, thẩm tra, nội dung phải thẩm định, thẩm tra, đến vai trò của cơ quan thẩm định, thẩm tra và giá trị của báo cáo thẩm định, thẩm tra có mục đích bảo đảm các văn bản được ban hành có chất lượng và tính khả thi cao, đạt được mục đích ban hành văn bản. Làm tốt công tác thẩm định, thẩm tra sẽ góp phần phòng ngừa hiệu quả nguy cơ tham nhũng chính sách, lợi ích cục bộ của các bộ, ngành trong quá trình hoạch định chính sách và soạn thảo VBQPPL.

Xem xét, quyết định trình dự án, dự thảo VBQPPL, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo VBQPPL: Nhằm bảo đảm tính chặt chẽ và khách quan trong việc xem xét, quyết

định việc trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, gián tiếp hạn chế lợi ích cục bộ của bộ, ngành, Luật năm 2015 quy định Bộ Tư pháp phát biểu ý kiến về việc cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định. Đây là bước quan trọng thể hiện vai trò của Bộ Tư pháp trong việc tham mưu, “gác cổng” cho Chính phủ về công tác tiền kiểm VBQPPL.

Như đã trình bày ở trên, Luật năm 2015 quy định việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, pháp lệnh phải có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, Ủy ban Pháp luật, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan. Sự tham gia của các cơ quan này có tác dụng bảo đảm tính khách quan trong quá trình chỉnh lý dự thảo luật, pháp lệnh, góp phần hạn chế “cài cắm” lợi ích nhóm trong dự thảo luật, pháp lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 đã quy định rõ, nhất quán hơn trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong giai đoạn này.

Có thể thấy, Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã thiết kế quy trình lập pháp chặt chẽ, khoa học, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong xây dựng, ban hành VBQPPL; khuyến khích sự tham gia của Nhân dân, bảo đảm sự tham gia và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên trong toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL, qua đó góp phần phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong hoạt động XDPL. Mặc dù không trực tiếp quy định về PCTN, lợi ích nhóm trong XDPL, nhưng Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã gián tiếp quy định nhiều cơ chế phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong xây dựng, ban hành VBQPPL, thể chế hóa quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về PCTN, lợi ích nhóm ở nước ta.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL năm 2020

Ngày 18/6/2020, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL (Luật năm 2020). So với Luật năm 2015 hiện hành, Luật năm 2020 có

không quy định mới rất quan trọng đối với hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta. Cụ thể như sau:

Luật năm 2020 đã sửa 06 điều của Luật năm 2015 (Điều 47, 58, 92, 121, 130 và Điều 139), trong đó bổ sung “sự phù hợp của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản và nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước” là một trong các nội dung phải thẩm định, thẩm tra đối với tất cả các loại VBQPPL ở Trung ương và địa phương.

Luật năm 2020 đã bổ sung phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL (Điều 6). Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa có quyền tham gia góp ý kiến như các cơ quan, tổ chức khác, vừa có quyền đặc biệt là phản biện xã hội đối với dự thảo VBQPPL. Việc bổ sung thẩm quyền phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào Luật Ban hành VBQPPL thể hiện tính dân chủ, công khai trong hoạt động XDPL ở nước ta, đồng thời sẽ góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống VBQPPL.

Luật năm 2020 đã bổ sung khoản 8a vào Điều 4 Luật năm 2015 để quy định thêm hình thức thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Đồng thời, bổ sung nội dung thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp trong “PCTN” tại Điều 25 của Luật năm 2015. Sửa đổi Điều 110 của Luật năm 2015 để bổ sung tại khoản 1 Tổng Kiểm toán Nhà nước là chủ thể có quyền thỏa thuận phân công cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch và tại khoản 5 là một trong những người ký thông tư liên tịch. Việc sửa đổi này bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Ban hành VBQPPL với Luật PCTN và qua đó góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước có liên quan trong công tác PCTN.

Ngoài ra, Luật năm 2020 sửa đổi, bổ sung 04 điều (Điều 74, 75, 76 và Điều 77) của Luật năm 2015 nhằm làm rõ, nâng cao hơn trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan



trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, UBND:

Thứ nhất, bổ sung quy định “cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến bằng văn bản về những nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, trong đó nêu rõ vấn đề có ý kiến khác với dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và đề xuất phương án để báo cáo UBND”⁽²⁾, nâng cao tính thống nhất giữa cơ quan trình và cơ quan thẩm tra, tránh tình trạng đưa chính sách chủ quan từ phía cơ quan chủ trì chỉnh lý;

Thứ hai, bổ sung quy định “đối với những chính sách mới được đại biểu Quốc hội đề nghị bổ sung vào dự thảo luật thì trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của UBND, cơ quan trình dự án có trách nhiệm tổ chức đánh giá tác động của chính sách để báo cáo Quốc hội”⁽³⁾, qua đó, chính sách được đại biểu Quốc hội đề xuất sẽ được đánh giá kỹ lưỡng trước khi đưa vào luật, giảm thiểu được các nguy cơ có thể xảy ra khi chính sách chưa được đánh giá mà vội vàng đưa vào Luật trong giai đoạn chỉnh lý;

Thứ ba, tại điểm d, khoản 2, Điều 75 bổ sung quy định “UBND quyết định việc tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trong trường hợp cần thiết để thảo luận, cho ý kiến đối với những dự án, dự thảo có những vấn đề quan trọng, vấn đề lớn còn nhiều ý kiến khác nhau”.

Thứ tư, quy định rõ, nhất quán hơn trách nhiệm phối hợp của Bộ Tư pháp trong suốt quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết giữa 2 kỳ họp của Quốc hội. Theo đó, Luật năm 2020 đã bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc phối hợp với thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo và Thường trực Ủy ban Pháp luật để nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và hoàn thiện dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trình UBND⁽⁴⁾.

Những quy định mới sửa đổi, bổ sung nêu trên không chỉ giúp nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành VBQPPL, mà còn góp phần phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm trong XDPL ở nước ta trong thời gian tới.

Như vậy, Luật năm 2020 đã có nhiều quy định chặt chẽ hơn về quy trình xây dựng VBQPPL so với quy định của Luật năm 2015, và nếu được tuân thủ nghiêm thì hiện tượng tham nhũng chính sách, cài đặt lợi ích nhóm tiêu cực, lợi ích cục bộ của bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL rất khó xảy ra.

(Còn nữa)

Chú thích:

(1) Điều 35, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015;

(2) Điểm b khoản 7 Điều 74, điểm b khoản 2 Điều 75, điểm e khoản 1 Điều 77, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015;

(3) Điểm a khoản 2 Điều 75, điểm b khoản 2 Điều 76, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015;

(4) Điểm đ khoản 2 Điều 75, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

PHỐ THU

Phố mãi là ngày xưa
Mái phố mềm tơ lụa
Lá đậu bên ô cửa
Tiếng chim sau vòm cây

Tháng Mười gió heo may
Đọc phố hè se lạnh
Chuông chùa buông xa vắng
Người đi tà áo bay

Thời gian dẫu đổi thay
Thu dịu dàng muôn thuở
Lá ươm vàng một nửa
Nửa xanh dành cho em

Lối phố nhỏ thân quen
Ai chờ ai, ai đợi
Nghiêng nghiêng mái tóc mềm!

Lê Hiếu Trung





Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phòng ngừa để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả

 **Trương Thị Thanh Vân**

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Là một bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) được giao quản lý 09 lĩnh vực chuyên ngành, hầu hết đều có tính phức tạp, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Nhân dân, doanh nghiệp như lĩnh vực đất đai, môi trường. Do đó, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), thực hành tiết kiệm, chống lãng phí luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên được lãnh đạo Bộ quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc trong toàn ngành.

Thời gian qua, lãnh đạo Bộ đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức để kịp thời, nhắc nhở, kiểm tra, xử lý những trường hợp có dấu hiệu tiêu cực, những thiếu sót, gây phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp trong thực thi công vụ, động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của Luật PCTN và Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị. Trường hợp phát hiện có hành vi tham nhũng, lãnh đạo đơn vị kiên quyết không dung túng, bao che mà nghiêm túc kết luận xử lý trách nhiệm.

Bên cạnh đó, Bộ TN&MT đã thực hiện công khai thủ tục hành chính tại trang thông tin điện tử của Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ, thiết lập 03 đường dây nóng để nắm bắt kịp thời các thông tin kiến nghị, phản ánh của công dân về tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực TN&MT do Bộ quản lý, các thông tin về tiêu cực, vi



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

phạm của cán bộ trong thực thi công vụ khi tiếp xúc và làm việc với người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, thành lập tổ công tác giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Ngoài ra, Bộ TN&MT cũng chú trọng việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, cụ thể:

Xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về chi tiêu tài chính, kê khai tài sản thu nhập đối với cán bộ, công chức

Để minh bạch trong thu chi tài chính đối với cán bộ, công chức thực thi công vụ, Bộ TN&MT đã ban hành quy định cơ chế

quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Thực hiện các quy định của Luật PCTN về kê khai tài sản thu nhập, các đơn vị trực thuộc Bộ đã quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị về người có nghĩa vụ kê khai; lập danh sách những người có nghĩa vụ kê khai; tổ chức triển khai việc kê khai; công khai bản kê khai; giao, nhận bản kê khai và báo cáo kết quả thực hiện về minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo quy định. Tại Bộ chưa có trường hợp nào phải xác minh, kiểm tra việc kê khai tài sản, thu nhập; chưa để xảy ra hiện tượng tố cáo; không có cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.



Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Lãnh đạo Bộ chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nói đi đôi với làm; quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 25-NQ/BCSĐTN&MT ngày 29/9/2017 của Ban Cán sự Đảng Bộ TN&MT về việc nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa công sở văn minh, hiện đại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành TN&MT; Nghị quyết số 25-NQ/BCSĐTN&MT chỉ đạo thường xuyên quán triệt và tiếp tục thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo các nội dung của Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ cùng với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, quy định về những điều đảng viên không được làm, quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Bộ TN&MT đã lựa chọn khâu đánh giá công chức, viên chức làm trọng tâm để chỉ đạo đổi mới theo hướng chú trọng thực chất, hiệu quả, do đó, việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá cán bộ, bảo đảm chính xác, khách quan hơn; chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, xây dựng và thực hiện nghị quyết chuyên đề của Ban Cán sự Đảng về nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa công sở văn minh, hiện đại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành TN&MT, tạo chuyển biến tốt về tinh thần trách nhiệm, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ.

Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức

Trong thời gian vừa qua, việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện kết hợp với việc điều động, bố trí, sắp xếp cán bộ trong quá trình rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Bộ. Căn cứ các quy định về chuyển đổi vị trí công tác, về luân chuyển, sắp xếp, bố trí cán bộ và yêu cầu của thực tiễn, Bộ TN&MT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các

đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí, chuyển đổi vị trí công tác đối với đội ngũ công chức, viên chức gắn với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị; trong đó, trọng tâm là các vị trí công tác về tài chính, cấp phép thuộc lĩnh vực môi trường, thanh tra và tổ chức cán bộ.

Việc cải cách hành chính, đổi mới công nghệ để PCTN

Bộ tiếp tục tổ chức thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018; đồng thời, báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và 04 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015; tổ chức xây dựng Đề án Tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức, viên chức ngành TN&MT đến năm 2030 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Thực hiện yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ, Bộ TN&MT đã xây dựng danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành TN&MT của các tổ chức hành chính thuộc ngành TN&MT từ Trung ương đến địa phương. Thực hiện rà soát kiện toàn, sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành; thực hiện việc cử nhân sự tham gia các ban chỉ đạo, tổ giúp việc, ban soạn thảo, tổ biên tập các tổ chức phối hợp liên ngành, tổ soạn thảo, tổ biên tập các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu công tác.

Tiếp tục rà soát để sửa đổi quy chế quản lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Ban hành Quyết định số 2234/QĐ-BTN&MT ngày 30/8/2019 phê duyệt điều chỉnh Chương trình Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ TN&MT theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ TN&MT; ban hành 06 bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ (bao gồm: Đất đai, địa chất và khoáng sản, biển và hải đảo, tài nguyên nước, đo đạc và bản đồ, môi trường).

Về công tác cán bộ trong PCTN

Về trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, trên cơ sở quy định của Đảng, Nhà nước và của Bộ TN&MT, Bộ đã chỉ đạo các cấp ủy Đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện quy trình bổ nhiệm bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy định. Các nội dung về công tác tổ chức cán bộ, đều được xem xét cẩn trọng, kỹ lưỡng, đưa ra bàn bạc công khai, minh bạch trong các phiên họp của Ban Cán sự Đảng, bảo đảm tính tập trung, dân chủ, quyết định tập thể, có sự tham gia, góp ý, hướng dẫn của đại diện một số cơ quan liên quan ở Trung ương.

Trên cơ sở quy định tiêu chuẩn khung của Đảng, Nhà nước và quy định của pháp luật, Bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh bổ nhiệm khi xem xét thực hiện quy trình bổ nhiệm. Kể từ năm 2018 đến nay, Bộ TN&MT không có trường hợp cán bộ bổ nhiệm thiếu điều kiện, tiêu chuẩn.

Để bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong đánh giá, bố trí cán bộ, lãnh đạo Bộ đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ khi xem xét quy hoạch, bổ nhiệm. Thực hiện nghiêm quy định người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, không có hành vi bố trí người thân giữ chức vụ quản lý về tổ chức cán bộ, kế toán... hoặc góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý Nhà nước hoặc để người thân kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề do người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý Nhà nước theo quy định của Luật PCTN.

Trong giai đoạn từ tháng 12/2018 đến hết tháng 9/2019, Bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện rà soát quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2019 - 2021, 2021 - 2026; tổ chức thí điểm thi tuyển chức danh Phó Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; phê duyệt chủ trương thực hiện thí điểm thi tuyển một số chức danh lãnh đạo cấp vụ, cấp phòng thuộc các tổng cục trực thuộc



Bộ; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với một số đơn vị thuộc Bộ; thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng theo đúng quy định.

Từ những kết quả đã đạt được trong thời gian qua của Bộ TN&MT, tác giả đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác PCTN của Bộ, cũng như một số đề xuất nhằm hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng trong thời gian tới như sau:

Về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác PCTN của Bộ:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá XII) 15/5/2016 về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Hai là, tiếp tục thực hiện các Nghị quyết số 08-NQ/BCSĐT&MT ngày 29/8/2016 của Ban Cán sự Đảng Bộ TN&MT về tăng cường lãnh đạo công tác PCTN trong ngành TN&MT và Nghị quyết số 25-NQ/BCSĐT&MT ngày 29/9/2017 của Ban Cán sự Đảng Bộ TN&MT về nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa công sở văn minh, hiện đại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành TN&MT.

Ba là, triển khai và thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực TN&MT. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 82/NQ-CP của Chính phủ về chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Tiếp tục tham mưu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về TN&MT, sát thực tiễn cuộc sống; sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp để phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng xảy ra.

Bốn là, tiếp tục rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, điều chỉnh quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2017 - 2021 tại các đơn vị trực thuộc Bộ; tiếp tục thực hiện công tác luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức ngành TN&MT đến năm 2020, tầm nhìn 2030; thí điểm việc đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý; xây dựng đề án thí điểm chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý; kiểm tra công tác tổ chức cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh các trường trực thuộc Bộ đảm bảo chất lượng đầu vào có chọn lọc, đáp ứng tình hình hiện nay và những năm tiếp theo của ngành.

Năm là, tiếp tục rà soát để kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, bộ máy của các đơn vị thuộc Bộ; tham gia kiện toàn tổ chức, bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý TN&MT tại các địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho công tác quản lý, sử dụng, khai thác hợp lý, hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường.

Sáu là, tăng cường công tác thanh tra nội bộ, giám sát chặt chẽ tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo nội bộ có liên quan đến tham nhũng, lãng phí theo thẩm quyền. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức về công tác kiểm tra và xử lý các hành vi tham nhũng nhằm nâng cao tính tự giác, tinh thần trách nhiệm trong hoạt động PCTN.

Về giải pháp hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng

Một là, sau khi Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được ban hành, đề nghị các cấp có thẩm quyền sớm ban hành hướng dẫn để cán bộ, công chức, người có nghĩa vụ kê khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

Hai là, xây dựng Luật Đạo đức công vụ, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để xác định tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, điều chỉnh hành vi của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ và tạo cơ sở đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

Cần tiêu chuẩn hóa cho từng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của các bộ, ngành, UBND các cấp.

Ba là, xây dựng chế tài đủ mạnh nhằm quản lý việc xây dựng chính sách về: Định mức khảo sát, điều tra cơ bản; định mức kinh tế kỹ thuật; định mức lập, điều chỉnh các loại quy hoạch, kế hoạch; định mức thống kê, kiểm kê; định mức xây dựng cơ sở dữ liệu... thuộc các lĩnh vực kinh tế, xã hội trên địa bàn toàn quốc.

Bốn là, thể chế hóa, xây dựng một cơ quan chuyên trách có đủ địa vị pháp lý, quyền lực, trách nhiệm ở Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trên phạm vi cả nước, trong đó cần quy định rõ các quyền, trách nhiệm cũng như có cơ chế đặc biệt về tiền lương, thu nhập, bảo vệ... cho những người công tác ở cơ quan này đi đôi với các biện pháp xử lý nghiêm, mạnh mẽ mặt kinh tế cũng như hình sự khi không hoàn thành trách nhiệm hoặc có hành vi vi phạm pháp luật liên quan để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Năm là, cần lựa chọn khâu đột phá trong đấu tranh PCTN; tập trung các biện pháp PCTN đối với những người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, những vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, tình trạng tham nhũng “vật” từ Trung ương đến địa phương, tránh dàn trải như thời gian qua.

Sáu là, thực hiện việc đẩy mạnh cải cách chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức nhằm đảm bảo nhu cầu cơ bản cuộc sống là một trong những thành tố nhằm giảm tình trạng gây phiền hà, những nhiễu trong thực thi công vụ.

Bảy là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng; xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản của Nhà nước, tập thể, cá nhân bị chiếm đoạt và thất thoát; kiện toàn, nâng cao chất lượng, điều kiện hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc công tác PCTN ở các cấp, các ngành./.



Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng ở tỉnh Cà Mau

 **Nguyễn Thị Ngọc Xinh**

Thanh tra tỉnh Cà Mau

C chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam trong những năm gần đây đã tăng lên, thể hiện rõ nỗ lực của Đảng và Nhà nước trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN). Trong năm 2018, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh công tác PCTN, điển hình là việc nhanh chóng, kiên quyết xử lý các vụ án tham nhũng lớn và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về PCTN. Tháng 11 năm 2018, Quốc hội thông qua Luật PCTN (sửa đổi) gồm 10 chương với 96 điều. Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường kiểm tra và tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp PCTN.

Trong năm 2019, công tác PCTN có bước tiến mạnh mẽ với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đi vào chiều sâu, do đó, tham nhũng được kiểm chế, từng bước ngăn chặn và có chiều hướng thuyên giảm, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Nổi bật là đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực đời sống.

Quán triệt tinh thần của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai các chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước về PCTN. Theo đó, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND



Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN làm việc tại Cà Mau

ngày 25/02/2019 về công tác PCTN năm 2019; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/10/2019 triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021”; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 20/8/2019 triển khai quán triệt thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Kế hoạch đã nêu rõ các nội dung, giải pháp, thời gian thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị cụ thể.

Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; từ

đó, các ngành, các cấp đã quán triệt và triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và đơn vị, tiến hành nghiên cứu, rà soát, kiến nghị, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm triển khai, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về PCTN luôn được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương quan tâm và coi là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. UBND tỉnh tăng cường tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ, công chức; tổ chức đường dây nóng, hộp thư để tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của



người dân; treo khẩu hiệu hành động về PCTN tại trụ sở cơ quan, nơi công cộng; lồng ghép nội dung PCTN trong các chuyên đề pháp luật trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Cà Mau, Báo ảnh Đất Mũi, Tạp chí Văn nghệ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, các bản tin chuyên ngành và các đài truyền thanh.

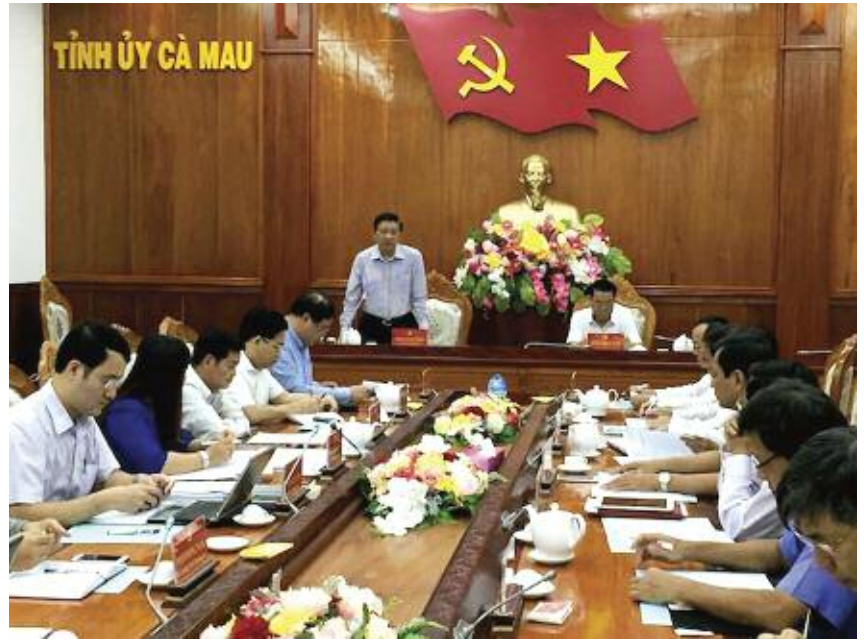
Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về PCTN được thực hiện gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, trong đó tập trung cải tiến lề lối làm việc, tiết kiệm, PCTN, lãng phí; chú trọng bồi dưỡng kiến thức PCTN cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành; triển khai có hiệu quả việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng.

Qua triển khai quán triệt, công tác PCTN đã có nhiều chuyển biến tích cực từ trong nhận thức đến hành động. Công tác tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được quan tâm, thực hiện thường xuyên, nhằm ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực và tham nhũng xảy ra.

Riêng cơ quan Thanh tra tỉnh, trong năm 2019, đã tiến hành 72 đoàn thanh tra (trong đó có 11 đoàn thanh tra trách nhiệm thủ trưởng). Qua thanh tra, đã chuyển 03 vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật sang cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ.

Trong niên độ báo cáo, không có vụ việc tham nhũng nào phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổng số cuộc điều tra, truy tố, xét xử có liên quan đến tham nhũng 12 vụ, 23 bị can, trong đó, khởi tố mới trong kỳ 04 vụ. Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử 23,8 tỷ đồng; tiền, tài sản tham nhũng thu hồi qua điều tra, truy tố, xét xử 4,9 tỷ đồng.

Có thể nói, nhờ sự quan tâm sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Cà Mau, công



Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương Phan Đình Trạc làm việc với cán bộ chủ chốt tỉnh Cà Mau về công tác PCTN

tác PCTN có nhiều chuyển biến tích cực với những kết quả nhất định; nhận thức về PCTN của cán bộ, công chức và Nhân dân đã được nâng lên. Tuy nhiên, để công tác PCTN có hiệu quả hơn nữa, cần phải tiếp tục thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, hoàn thiện các quy định để quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thu chi ngân sách của chính quyền cấp cơ sở, các khoản chi cho đầu tư xây dựng, chi thường xuyên, chi phí hội nghị, lễ hội, tiếp khách. Công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, nhất là chế độ định mức tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức cấp cơ sở trước hết là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực gắn liền với quyền lợi của người dân, doanh nghiệp gồm: Đất đai, tài nguyên, thuế, ngành nghề kinh doanh nhạy cảm... Rà soát việc tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương nhằm phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý, đồng thời, không gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Hai là, thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ ở các đơn vị thuộc hệ thống chính trị cơ sở, nhất là trong các khâu tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của chính quyền cấp cơ sở. Tăng cường vai trò của các cơ quan trong hệ thống chính trị cơ sở đối với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhằm ngăn ngừa, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Bốn là, tăng cường giám sát trong công tác PCTN, có biện pháp bảo vệ an toàn và kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân dũng cảm tố cáo, phát hiện những hành vi tham nhũng, lãng phí./.



Lý luận về “tham nhũng” của V.I.Lênin và sự vận dụng vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay

 Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệt



Vladimir Ilyich Lenin, (V.I.Lênin) là lãnh tụ của phong trào cách mạng vô sản Nga, người phát triển học thuyết của Karl Marx và Friedrich Engels. Ông là người đứng đầu Chính phủ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô - viết Liên bang Nga từ năm 1917 đến năm 1924 và của Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1924. Là một nhà lý luận chính trị lỗi lạc, di sản mà V.I.Lênin để lại là cả một kho tàng quý báu, có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, trong đó có lý luận về “tham nhũng” vẫn còn mang đậm tính thời sự và có ý nghĩa thiết thực cho sự vận dụng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay.

Lý luận về “tham nhũng” của V.I.Lênin

Có thể khẳng định rằng, tư tưởng của V.I.Lênin về quan liêu, tham nhũng là một hệ thống bao gồm nhiều luận điểm, quan điểm khác nhau, đề cập đến những vấn đề lý luận căn bản, cốt yếu, đồng thời cũng bao hàm cả những giải pháp, biện pháp cụ thể trong chỉ đạo thực tiễn. V.I.Lênin đã thừa nhận sự tồn tại, hiện hữu của tệ quan liêu trong bộ máy chính quyền Xô - viết, điều này là do tác động của hoàn cảnh bên ngoài và sự thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện nên đạo đức xuống cấp, không còn giữ được vai trò tiên phong, gương mẫu của một số đảng viên cộng sản. Ông cho rằng, “quan liêu, tham nhũng nó biểu thị trong đời sống hàng

ngày”, nó chính là “chủ nghĩa địa vị”. Với trí tuệ uyên bác, kinh nghiệm thực tiễn cách mạng phong phú và niềm tin tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác cùng phương pháp luận chiến sắc sảo, V.I.Lênin đã được nhiều nhà xuất bản phát hành bộ sách in đầy đủ tất cả các tác phẩm của ông.

Tư duy thực tiễn là quan điểm, phương thức tư duy triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhấn mạnh suy nghĩ và giải quyết vấn đề phải dựa vào bản chất của sự vật hiện tượng, vào phương thức quan sát và nhận thức thế giới trong hoạt động thực tiễn của con người. Do đó, V.I.Lênin đã đề ra một số giải pháp góp phần để phòng chống quan liêu, tham nhũng trong chính quyền Xô - viết và vẫn còn giá trị để áp dụng vào công tác phòng,



chống tham nhũng của Việt Nam hiện nay, một số giải pháp đó là:

Thứ nhất, theo V.I.Lênin, cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong Đảng (cầm quyền) để ngăn ngừa vi phạm, giữ gìn kỷ luật của Đảng. Việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, nghiêm túc đối với các công việc của Đảng, Nhà nước sẽ góp phần hạn chế các kẻ lợi dụng quyền lực để đục khoét của cải của Nhân dân. Công tác thanh tra, kiểm tra cũng sẽ góp phần sửa chữa, uốn nắn công việc, ngăn ngừa thiếu sót và sai lầm. Thanh tra, kiểm tra sẽ góp phần đấu tranh “*chống chủ nghĩa quan liêu, nhằm mở rộng dân chủ, phát huy óc sáng kiến, nhằm phát hiện, lột mặt nạ và đuổi ra khỏi Đảng những kẻ len lút chui vào Đảng*”⁽¹⁾.

Thứ hai, V.I.Lênin rất coi trọng vai trò của quần chúng Nhân dân, phát huy, thực hành dân chủ rộng rãi, cuốn hút, lôi cuốn Nhân dân tham gia vào các công việc của Đảng, của Nhà nước. V.I. Lênin viết: “*Cuộc đấu tranh chống sự lệch lạc quan liêu chủ nghĩa đối với tổ chức Xô-viết, được đảm bảo bởi tính vững chắc của những mối liên hệ gắn liền các Xô-viết với “Nhân dân”, nghĩa là với những người lao động và những người bị bóc lột; bởi tính chất linh hoạt và mềm dẻo của những mối liên hệ đó*”⁽²⁾. Người đã nhiều lần nhắc nhở các cấp uỷ, tổ chức Đảng và chính quyền Xô - viết, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải thường xuyên chăm lo thu hút đông đảo quần chúng lao động trực tiếp tham gia phòng, chống quan liêu, tham nhũng, chỉ có thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân vào việc quản lý đất nước và giám sát rộng rãi mọi cơ quan quản lý mới xoá bỏ được những thiếu sót của bộ máy, làm cho các cơ quan loại trừ được bệnh quan liêu.

Thứ ba, V.I.Lênin rất coi trọng việc tăng cường kỷ luật trong Đảng, thực hiện kỷ luật đảng viên nghiêm khắc trong điều kiện Đảng cầm quyền. Người viết: “*Để chống lại những tính xấu đó, để làm cho giai cấp vô sản có thể thực hiện được một cách đúng đắn vai trò tổ chức của nó (và đó là vai trò chính của nó), một*

cách có kết quả và thắng lợi thì chính đảng của giai cấp vô sản phải thực hiện được, trong nội bộ của mình, một chế độ tập trung chặt chẽ và một kỷ luật nghiêm ngặt”⁽³⁾.

Bởi vì, theo V.I.Lênin, vi phạm kỷ luật Đảng tức là phản bội. Người viết: “*Kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản*”⁽⁴⁾. Và nhất định phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, khỏi bộ máy Nhà nước những kẻ quan liêu, tham nhũng: “*Tôi rất mong chúng ta có thể đuổi ra khỏi Đảng từ 10 vạn đến 20 vạn người đã len lỏi vào Đảng và đã không những không biết đấu tranh chống bệnh giầy tờ cùng nạn hối lộ, mà còn cản trở cuộc đấu tranh này*”⁽⁵⁾.

V.I.Lênin yêu cầu phải xử thật nặng, nghiêm khắc những kẻ tham nhũng, ăn hối lộ trong Đảng, trong Nhà nước để nêu gương. Điển hình đó là trong bức thư gửi trước sự việc Tòa án Mátxcơva xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, Người viết: “*Không xử bắn bọn ăn hối lộ mà xử nhẹ như thế là một việc xấu hổ cho những người cộng sản*”; “*lay động các tòa án Nhân dân và dạy cho họ biết trừng trị một cách không thương xót, kể cả việc đem bắn, và nhanh chóng những kẻ lạm dụng chính sách kinh tế mới*”⁽⁶⁾; “*đối với người cộng sản phải trừng phạt nặng hơn gấp ba lần so với những người ngoài Đảng*”⁽⁷⁾.

Thứ tư, một trong những biện pháp quan trọng để hạn chế, khắc phục nạn “tham nhũng” là phải kiểm soát được bộ máy Nhà nước, giảm bớt sự công kênh, chống chéo trong bộ máy, đồng thời, nâng cao chất lượng, phẩm chất, năng lực cán bộ, đảng viên, thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm cá nhân ấy một cách nghiêm ngặt, gắn quyền lợi với trách nhiệm, nghĩa vụ, xây dựng cơ chế phát hiện và thải loại những cán bộ đảng viên, công chức thoái hóa, biến chất. Người chỉ rõ: “*Đấu tranh chống cái vũng lầy chủ nghĩa quan liêu và bệnh giầy tờ*

bằng cách kiểm tra người và kiểm tra công việc thực tế, tổng cổ một cách không thương xót những công chức thừa, giảm biên chế, thay đổi những đảng viên cộng sản không nghiêm túc học tập việc quản lý”⁽⁸⁾; “*Lựa chọn người; thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân đối với việc đang làm; kiểm tra công việc thực tế*”⁽⁹⁾.

Vận dụng lý luận về “tham nhũng” của V.I.Lênin vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay

Sinh thời Bác Hồ đã chỉ rõ: “*Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ giặc ở trong lòng*” và biện pháp quan trọng hàng đầu để đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí chính là giáo dục tư tưởng cho quần chúng. Người nói: “*làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng trăm, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp*”. Theo Hồ Chí Minh, trong ba kẻ thù trên, tham ô là kẻ thù nguy hiểm nhất, bởi đó là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. Nó nguy hiểm đến mức mà Người từng xếp căn bệnh này ngang hàng với tội phản quốc. Năm 1946, khi trả lời các nhà báo nước ngoài, Người nói: “*Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam, Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài*”.

Cách đây hơn 26 năm về trước, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (20 - 25/01/1994), Đảng ta đã sớm nhận ra một bộ phận cán bộ, công chức lợi dụng chức quyền chiếm đoạt tài sản, tiền của Nhà nước, tổ chức, công dân và nhận định, đánh giá: “*Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng*”⁽¹⁰⁾. Có thể khẳng định đây là sự đánh giá nghiêm túc, đầy bản lĩnh, nhìn



thắng vào sự thật. Cuộc chiến chống tham nhũng là quyết tâm của toàn Đảng, được Nhân dân ủng hộ. V.I.Lênin từng nói tham nhũng là “*căn bã của nhân loại, cần phải tống cổ ra khỏi Đảng, bỏ tù, thậm chí xử bắn để làm gương...*” làm cho cơ thể của Đảng khỏe mạnh ngày càng ít vi trùng hơn. Để cụ thể hóa quyết tâm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác phòng, chống tham nhũng, điển hình như: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2 - khóa VIII).

Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về “tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”; Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XII đã nhấn mạnh: Phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực thi dân chủ một cách thực chất và kiểm tra, giám sát chặt chẽ; xử lý nghiêm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý sai phạm; yêu cầu mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý không ngừng tự tu dưỡng, rèn luyện, tự quản lý, kiểm soát chính mình trước những tham vọng quyền lực và cám dỗ lợi ích vật chất trước sự tha hóa, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đây là một trong những biện pháp quan trọng góp phần phòng, chống tham nhũng có hiệu quả hiện nay.

Về mặt lý luận, những nghị quyết nêu trên đã hình thành một hệ thống các quan điểm định hướng tư tưởng và chính sách của Đảng ta về phòng, chống tham nhũng. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng ta qua các thời kỳ là hết sức đúng đắn, phù hợp, đã được các cấp ủy, tổ chức Đảng triển khai thực hiện một cách khoa học, bài bản, chặt chẽ, sâu sát với quyết tâm chính trị cao và đạt được những kết quả quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, từng bước ngăn chặn và

đẩy lùi tiêu cực, suy thoái, quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong Đảng.

Với sự quyết tâm và nghiêm khắc của lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong thời gian qua, nhiều vụ tham nhũng được xét xử, nhiều cán bộ tha hóa, biến chất ở mọi cấp, mọi ngành, “không có vùng cấm” đã chịu sự trừng phạt của pháp luật; đã thu hồi, đề nghị thu hồi tài sản trị giá hàng nghìn tỷ đồng cho Nhà nước. Cụ thể, tính từ tháng 1/2016 đến hết tháng 7/2020, đã có trên 70 cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị thi hành kỷ luật Đảng và xử lý hình sự có liên quan đến tham nhũng. Tuy nhiên, xét về mặt tổng thể, công tác phòng, chống tham nhũng vẫn còn có việc, có nơi chưa nghiêm túc, đôi khi còn có hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh”; vẫn còn thiếu những cơ chế, chính sách, chế tài, biện pháp có tính đột phá đủ mạnh để làm chuyển biến cơ bản tình hình.

Do đó, để vận dụng có hiệu quả, sáng tạo lý luận về “tham nhũng” của V.I.Lênin vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế, thiết nghĩ cần có một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nghiên cứu và vận dụng tốt những lời căn dặn của V.I.Lênin, khi Đảng Cộng sản Nga trở thành đảng cầm quyền và lãnh đạo chính quyền Xô - viết, lời chỉ dẫn của Lênin về những vấn đề xây dựng Đảng đoàn kết thống nhất, phòng, chống tham nhũng, tận tụy phục vụ Nhân dân có ý nghĩa đặc biệt đối với Đảng ta. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong cán bộ, đảng viên nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong Đảng và xã hội về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nâng cao đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đẩy lùi sự suy thoái, tha hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Trong cuộc vận động này, cần cụ thể hóa những nội dung về phòng, chống các biểu hiện quan liêu, tham nhũng trong nội dung học tập và làm theo tấm gương của Hồ Chí

Minh; quán triệt những nội dung này đến các cán bộ, đảng viên.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, nghiêm trị những hành vi lạm dụng quyền lực, vi phạm Điều lệ Đảng, luật pháp của Nhà nước. Để đấu tranh chống nạn tham ô, hối lộ, theo V.I.Lênin, những đảng viên, nhất là những người được giao trọng trách, phải không được mắc vào tệ nạn này. Phải thẳng tay xử lý những kẻ tham ô, hối lộ. Lênin yêu cầu thẳng tay đối với bọn phản cách mạng, bọn ăn hối lộ, với khung hình phạt tùy theo mức độ vi phạm, từ lao động cưỡng bức, tù giam đến tử hình.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng chủ trì phiên họp thứ 16 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng ngày 26/7/2020: “*Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, góp phần chuẩn bị tốt cho Đại hội Đảng bộ các cấp và tiến tới Đại hội XIII của Đảng; chỉ đạo xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng “tham nhũng vặt”... Kiên quyết loại khỏi bộ máy của Đảng, Nhà nước nói chung, các cơ quan phòng, chống tham nhũng nói riêng những cán bộ hư hỏng, tham nhũng*”. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện quy trình ra quyết định; làm rõ các công đoạn, xác định người chịu trách nhiệm chính của từng công đoạn. Nâng cao hiệu lực kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, Nhà nước; tập trung kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu ở cấp cao, phát hiện, truy cứu đến cùng, xử lý triệt để những sai phạm, không có vùng cấm theo phương châm: Quyền cao, chức trách càng lớn nếu sai phạm phải xử lý càng nghiêm.

Thứ ba, V.I.Lênin cho rằng, phải biết phát hiện và sử dụng những tài năng từ quần chúng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong số những công nhân và nông dân bình thường, luôn có rất nhiều người trung thành với quyền lợi của quần chúng lao động. Do đó, phải tìm ra được những tài năng mới, khiêm tốn, ít biểu lộ ra và lôi cuốn những người công



nhân và nông dân bình thường tham gia công tác quản lý Nhà nước. Do đó, thiết nghĩ cần đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, khắc phục những yếu kém, bất cập trong công tác cán bộ. Thực hiện thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý.

Đổi mới phương thức, quy trình đề bạt cán bộ, kết hợp quy hoạch cán bộ với mở rộng thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện công khai, minh bạch tài sản của cán bộ trước khi quyết định bổ nhiệm. Sớm triển khai có hiệu quả Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế cán bộ, cho từ chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị và các doanh nghiệp, tổng công ty, tập đoàn kinh tế Nhà nước hoạt động kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp, có khuyết điểm, vi phạm chưa đến mức xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Tập trung giải quyết những trường hợp mà dư luận có nhiều ý kiến. Kiên quyết và khẩn trương giải quyết, xử lý đúng người, đúng việc những vụ việc tồn đọng, nổi cộm, bức xúc đã phát hiện trong thời gian gần đây mà công luận quan tâm.

Thứ tư, V.I.Lênin đề cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, coi đó là những thực thể cấu thành hệ thống chuyên chính vô sản. Ông nhấn mạnh, sự cần thiết xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản trong điều kiện đã nắm chính quyền sao cho Đảng Cộng sản đủ năng lực, tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của thời đại. Trước thực tế xuất hiện một số cán bộ lãnh đạo Đảng thiếu tri thức, kinh nghiệm, trình độ văn hóa thấp, có thái độ quan liêu, xa rời quần chúng, xa rời thực tiễn, thậm chí thoái hóa, biến chất bởi tham vọng quyền lực, thói kiêu ngạo cộng sản, vụ lợi cá nhân, nhận hối lộ...

Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là các cơ quan truyền thông tham gia phòng, chống quan liêu, tham nhũng. Thực hiện có hiệu quả Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Giao cho các phương tiện thông tin đại chúng đưa lên công luận những hiện tượng, những hành vi quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã được xác định rõ ràng, đích xác./.

Tài liệu tham khảo:

- (1). V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va 1978, t. 43, tr. 109.
- (2). V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.41, tr. 367-372.
- (3), (4) V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va 1977, t. 41, tr 34.
- (5). V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va 1978, t.39, tr 214.
- (6), (7), (8), (9) V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.44, tr 486, tr 487, tr 453, tr 452
- (10). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.29.

RÉT HỒ GƯƠM

Hà Nội
 Một chiều rét ngọt
 Nhớ ngày nào năm ấy em ra chơi
 Mượn áo bông chị mặc
 Người to xụ rét vẫn không thôi
 Tê tê lạnh
 Bầm tím đôi môi!
 Em vẫn thích
 Đạo mấy vòng đi hứng rét Hồ Gươm

Về phương Nam
 Thư ra em nói:
 “Hà Nội ơi!
 Rét ngọt
 Rét quá, Trời!
 Thật kỳ lạ! Cái rét sao yêu thế?
 Ở nơi đây!
 Nắng ấm tràn đầy
 Người với người len chân hối hả
 Nhớ:
 Phố Nguyễn Du, ánh đèn mờ ảo lạnh đêm sâu
 Hồ Thiên Quang hoa sữa thơm bay ớp mái đầu”

Hà Nội
 Chiều nay rét ngọt
 Bàng bạc sương giăng nhòa phố cổ
 Ngóng ai người đi hứng rét Hồ Gươm!

Đào Hạnh





Một số yêu cầu công tác của trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo

 **Ths. Phạm Tuấn Anh**

Trường Cán bộ Thanh tra

Trong khiếu nại, tố cáo, để có cơ sở cho việc giải quyết thì việc xác minh là yêu cầu quan trọng. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo sau khi tiến hành thụ lý có thể trực tiếp ban hành quyết định thành lập đoàn xác minh hoặc tổ xác minh (gọi chung là đoàn xác minh) hoặc giao cho cơ quan thanh tra, cơ quan khác tiến hành xác minh. Trường hợp giao xác minh thì thủ trưởng cơ quan được giao sẽ ban hành quyết định thành lập đoàn xác minh.

Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo gồm trưởng đoàn, có thể có phó trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn. Trưởng đoàn xác minh là người đứng đầu, lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ hoạt động của đoàn từ khâu lập kế hoạch xác minh đến việc thực hiện kế hoạch xác minh và báo cáo kết quả xác minh với người giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc người ban hành quyết định thành lập đoàn xác minh. Trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo có vị trí rất quan trọng. Kết quả công tác của trưởng đoàn có thể tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của đoàn xác minh, kết quả xác minh.

Thứ nhất, trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo là người tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trưởng đoàn xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch xác minh, trình người ra quyết định xác minh phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trưởng đoàn có trách nhiệm quán triệt kế hoạch xác minh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Trong quá trình tiến hành xác minh, trưởng đoàn với tư cách là người quản lý, chỉ đạo, điều hành phải là người nắm chắc mục đích, yêu cầu, phạm vi, nội dung xác minh, nắm chắc tình hình, kết quả xác minh từng nội dung. Trưởng đoàn phải bao quát chỉ đạo các thành viên trong đoàn tiến hành các biện pháp xác minh phù hợp để thu thập các thông tin, tài liệu, bằng chứng một cách khách quan. Khi kết thúc quá trình xác minh, trưởng đoàn phải chủ trì tổng hợp kết quả xác minh, xây dựng báo cáo kết quả xác minh. Báo cáo kết quả xác minh là văn bản quan trọng phản ánh kết quả xác minh của đoàn. Do vậy, trưởng đoàn cần trực tiếp nắm bắt kết quả, phân tích đánh giá, tổng hợp để xây dựng báo cáo. Trưởng đoàn là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định xác minh về báo cáo kết quả xác minh.

Thứ hai, trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo chịu trách nhiệm trước người ra quyết định xác minh và trước pháp luật toàn bộ hoạt động của đoàn xác minh.

Trong quá trình xác minh, trưởng đoàn có thẩm quyền quyết định những việc liên quan đến hoạt động của đoàn xác minh nhằm đạt kết quả theo kế hoạch được giao. Đồng thời, trưởng đoàn cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định xác minh về hoạt động của đoàn về kết quả xác minh. Do vậy, để vừa phát huy đầy đủ quyền chủ động trong chỉ đạo của trưởng đoàn, vừa thực hiện sự chỉ đạo chặt chẽ của người ra quyết định xác minh, trưởng đoàn xác minh chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của đoàn, đồng thời phải là cầu nối giữa đoàn với người giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc người ra quyết định xác minh. Trưởng đoàn thường xuyên



báo cáo tiến độ với người ra quyết định xác minh, đồng thời đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xác minh.

Thứ ba, trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo là người xử lý mối quan hệ giữa đoàn xác minh với đối tượng xác minh.

Trong quá trình xác minh, trưởng đoàn xác minh tuy đã phân công cho từng thành viên, từng nhóm thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác minh theo kế hoạch xác minh. Tuy nhiên, đối với những nội dung quan trọng, trưởng đoàn có thể phải trực tiếp xác minh. Khi phát sinh những tình huống như làm việc với người khiếu nại, tố cáo họ không hợp tác, hoặc việc thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng gặp những khó khăn, vướng mắc, trưởng đoàn phải là người xử lý tháo gỡ hoặc báo cáo người ra quyết định xác minh có phương án xử lý kịp thời.

Trưởng đoàn là người chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động xác minh tại cơ quan, đơn vị được xác minh, chịu trách nhiệm về kết quả xác minh. Trưởng đoàn phải xử lý tốt các mối quan hệ với đối tượng được xác minh. Mọi thái độ ứng xử, giải quyết sự việc trong quá trình xác minh đều có tác động đến đối tượng được xác minh. Việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa trưởng đoàn và đối tượng xác minh có tác động tích cực đến kết quả xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trưởng đoàn xác minh cần làm cho đối tượng được xác minh hiểu rõ được mục đích, yêu cầu, nội dung làm việc và trách nhiệm hợp tác với đoàn xác minh để làm rõ nội dung khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, phải đảm bảo quyền của người khiếu nại, người tố cáo, người bị khiếu nại, người bị tố cáo theo quy định pháp luật.

Để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của đoàn xác minh, trưởng đoàn xác minh phải thực hiện tốt các công tác sau:

Nắm chắc kế hoạch xác minh và các vấn đề trọng tâm, nhưng đồng thời phải linh hoạt trong chỉ đạo trước những diễn biến của quá trình xác minh.

Trưởng đoàn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, nên phải có tầm nhìn bao quát để thấy rõ được diễn biến các hoạt động xác

minh đối với kế hoạch chung của đoàn, phải biết nắm bắt những nội dung trọng tâm để tập trung chỉ đạo, thúc đẩy tiến độ. Tuy nhiên, khi xác minh các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường diễn biến phức tạp, có thể nảy sinh những vấn đề mới chưa dự kiến được. Vì vậy, cách thức chỉ đạo của trưởng đoàn không được cứng nhắc mà phải biết bám sát thực tế, xử lý tình huống linh hoạt để điều chỉnh kịp thời, chính xác.

Trưởng đoàn xác minh phải giữ được vai trò là hạt nhân đoàn kết thống nhất trong nội bộ đoàn, tạo mối quan hệ tốt với đối tượng xác minh, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo gồm nhiều người, mỗi người có thể có trình độ chuyên môn khác nhau, có phong cách làm việc khác nhau và mỗi người có nhiệm vụ cụ thể. Để chỉ đạo đoàn xác minh hoạt động theo mục tiêu chung, trước hết đòi hỏi trưởng đoàn phải là hạt nhân đoàn kết trong nội bộ đoàn, thực hiện dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của các thành viên, đồng thời đấu tranh thẳng thắn nhằm duy trì kỷ luật trong đoàn, được như vậy mới tạo ra sự tin nhiệm, tin cậy của các thành viên trong đoàn, đảm bảo uy tín của đoàn.

Bên cạnh đó, nhiều vụ việc xác minh với nhiều nội dung phức tạp và có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau, đến cả các cơ quan cấp trên. Do vậy, trưởng đoàn cần tạo được sự đồng tình, ủng hộ của các cơ quan để tạo điều kiện cho việc xác minh được tiến hành thuận lợi. Việc tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong đoàn và sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ giúp cho đoàn tiến hành xác minh và tham mưu giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo có hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của trưởng đoàn đối với các thành viên.

Trưởng đoàn xác minh với nhiệm vụ chính là chỉ đạo, điều hành hoạt động của đoàn xác minh thực hiện quyết định xác minh và kế hoạch xác minh đã được người có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy, trưởng đoàn xác minh phải kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của mỗi nhóm công tác, mỗi thành viên của đoàn nhằm

đảm bảo đúng nội dung, tiến độ xác minh được giao.

Nội dung kiểm tra bao gồm: Kiểm tra việc thực hiện quyết định xác minh và kế hoạch xác minh của các thành viên trong đoàn xác minh đã được người có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra việc vận dụng các biện pháp nghiệp vụ để thu thập thông tin tài liệu bằng chứng, xác định chứng cứ; kiểm tra việc áp dụng các quy định của pháp luật để kết luận từng nội dung, từng lĩnh vực mà mỗi thành viên, mỗi nhóm được phân công phụ trách; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình xác minh.

Để xem xét báo cáo kết quả xác minh từng nội dung của mỗi thành viên trong đoàn, trưởng đoàn không chỉ nghe báo cáo, mà còn phải trực tiếp đọc, nghiên cứu, đối chiếu các tài liệu, số liệu, chứng cứ... mà thành viên đã báo cáo; khi cần thiết có thể trực tiếp gặp đối tượng xác minh để kiểm tra lại, khẳng định thêm tính chính xác của các báo cáo kết quả trên.

Khi nhận định, đánh giá, kết luận một vấn đề, sự việc, trưởng đoàn cần đặt trong tổng thể tình hình để thấy rõ mối quan hệ tác động lẫn nhau và từ đó mà thấy rõ được bản chất của các vấn đề, sự kiện. Đồng thời, cũng phải xem xét diễn biến của sự việc trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, có như vậy mới nhận định, đánh giá đúng những tồn tại, tính chất, mức độ sai phạm và nguyên nhân của vấn đề, sự việc. Từ đó, mới đánh giá và kiến nghị giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo một cách khách quan.

Có thể khẳng định, để việc xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả, công tác của trưởng đoàn xác minh đặc biệt quan trọng. Do vậy, cần tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là những người được giao làm trưởng đoàn xác minh. Trưởng Cán bộ Thanh tra bên cạnh các khóa học về nghiệp vụ thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp có mở các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong đó có chương trình bồi dưỡng về công tác của trưởng đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đây là chương trình chuyên sâu có thể giúp các học viên nắm vững được các nghiệp vụ trong công tác của trưởng đoàn xác minh./.



LUẬT THANH TRA 2010 VÀ NHỮNG VƯỚNG MẮC ĐẶT RA TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TRA HIỆN NAY

 **Ths. Vũ Hoàng Quỳnh**

Phòng Tổ chức Cán bộ - Bệnh viện Phổi Trung ương

Luật Thanh tra được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011. Để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước, Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành đã triển khai quyết liệt nhiệm vụ xây dựng thể chế, tập trung vào việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra, tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ.

Theo báo cáo số 2333/BC-TTCP ngày 25/12/2019 của Thanh tra Chính phủ, trong hơn 08 năm, Chính phủ đã ban hành 09 nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra, 30 nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành, lĩnh vực, 01 nghị quyết về công tác thanh tra; Thủ tướng Chính phủ ban hành 07 quyết định và 02 chỉ thị. Trong phạm vi thẩm quyền quản lý, Thanh tra Chính phủ đã ban hành 25 thông tư; các bộ, ngành đã ban hành hơn 54 thông tư hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra bộ, ngành, thanh tra chuyên ngành (TTCN). Các địa phương đã ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện.

Nhìn chung, Luật Thanh tra năm 2010 được ban hành cùng với các văn



bản hướng dẫn thi hành đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về thanh tra, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra Nhà nước (TTNN), từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên mọi mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sau hơn 9 năm triển khai thực hiện, Luật Thanh tra năm 2010 cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải được kịp thời sửa đổi bổ sung, nhằm tạo ra bước chuyển biến căn bản trong công tác thanh tra, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước trong tình hình mới.

1. Quy định về tổ chức, bộ máy cơ quan thanh tra

Theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010, các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra bao gồm các cơ quan TTNN và cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN. Trong đó, hệ thống các cơ quan TTNN bao gồm: Thanh tra Chính phủ, thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ (gọi chung là thanh tra bộ); thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là thanh tra tỉnh); thanh tra số; thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là thanh tra huyện).

Pháp luật về thanh tra cũng quy định cơ quan TTNN chịu sự chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp. Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra cấp trên chỉ đạo về công tác và hướng



dẫn về nghiệp vụ. Riêng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về tổ chức đối với các cơ quan thanh tra.

Với quy định trên, có thể thấy rằng hệ thống cơ quan TTNN được tổ chức rộng khắp, từ Trung ương tới địa phương theo đơn vị hành chính lãnh thổ và ở các bộ, ngành. Hệ thống cơ quan thanh tra là một bộ phận cấu thành của hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành và lãnh thổ. Tuy nhiên, về tổ chức bộ máy các cơ quan thanh tra còn có những bất cập.

Trên thực tế, tính song trùng, trực thuộc (theo chiều dọc và chiều ngang) của hệ thống cơ quan thanh tra đã làm cho tổ chức, bộ máy và hoạt động của thanh tra trở nên lệ thuộc quá lớn vào hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước, từ tổ chức nhân sự, kinh phí hoạt động, xây dựng chương trình kế hoạch thanh tra đến kết luận thanh tra, kiến nghị xử lý sau thanh tra..., nên những nơi nào thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện cho cơ quan thanh tra hoạt động thì nơi đó hoàn thành tốt nhiệm vụ; nơi nào thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước thiếu quan tâm thì hoạt động thanh tra nơi đó gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đặc điểm về tính khách quan và tính độc lập tương đối là những yêu cầu của hoạt động thanh tra.

Ở một mặt khác, hệ thống cơ quan thanh tra lại thiếu sự chỉ đạo thống nhất, thông suốt trong toàn bộ hệ thống do tính chất dàn trải, phân tán của tổ chức bộ máy thanh tra hiện nay. Quy định về tổ chức cơ quan TTNN và các cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN của Luật Thanh tra đã trở nên hạn hẹp so với sự đa dạng phức tạp của các lĩnh vực quản lý Nhà nước của các bộ, ngành. Trên thực tế, rất nhiều bộ, ngành đã tổ chức thêm các cơ quan thực hiện các chức năng TTCN, thậm chí thành lập các cơ quan thanh tra độc lập để phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, ví dụ Cục Hàng không Việt Nam,

Cục Hàng hải Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán...

Ở một số địa phương, do nhu cầu về tính kịp thời trong quản lý Nhà nước, mà hệ thống thanh tra sở khó có thể bao quát được hoạt động quản lý Nhà nước trên phạm vi theo thẩm quyền, đã phải tổ chức những lực lượng trực thuộc thanh tra sở đặt trên địa bàn quận, huyện, thị xã như lực lượng thanh tra xây dựng quận, huyện, hoặc giao cho cơ quan thuộc UBND tỉnh, thành phố thực hiện như ban quản lý an toàn thực phẩm thực hiện TTCN theo lĩnh vực.

2. Quy định về hoạt động thanh tra

Luật Thanh tra năm 2010 quy định hai loại hoạt động thanh tra là thanh tra hành chính (TTHC) và TTCN với trình tự thủ tục chặt chẽ, nhằm bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả, cụ thể, khoản 2, khoản 3, Điều 3 quy định:

- TTHC là hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- TTCN là hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý thuộc ngành, lĩnh vực đó. TTCN hiện nay chủ yếu là nhiệm vụ phát hiện và xử lý vi phạm với đối tượng là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội để bảo đảm trật tự quản lý, trong khi đó TTHC hướng vào việc chấn chỉnh cơ chế quản lý và bảo đảm thực hiện công vụ, sự chấp hành pháp luật trong các cơ quan Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước.

Tuy nhiên trên thực tế, sự phân định này đã không còn nhiều ý nghĩa, phạm vi hoạt động giữa các cơ quan tiến hành

TTHC và TTCN đã trở nên hết sức mờ nhạt. Luật quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục chung cho cả hai loại hoạt động TTHC và TTCN trên thực tế là không phù hợp do tính chất khác nhau của hai hoạt động này. Ví dụ: Tính công khai và tuân thủ trình tự thủ tục là yêu cầu bắt buộc và nguyên tắc của TTHC tuy nhiên nếu áp dụng cho TTCN sẽ khó khăn cho chủ thể thanh tra trong việc kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra. Sự phân định thẩm quyền thanh tra giữa các cấp cũng không rõ ràng dẫn đến cùng một nội dung có thể xảy ra thanh tra trùng lặp, gây khó khăn phiền hà cho đối tượng thanh tra. Chưa kể, giữa TTCN và kiểm tra thường xuyên theo chức năng quản lý Nhà nước cũng có sự lẫn lộn khó phân biệt khiến cho hoạt động thanh tra, kiểm tra của các ngành trở nên chồng chéo, liên tục, kéo dài gây ảnh hưởng tới hoạt động của các đối tượng thanh tra, kiểm tra. Người ta cho rằng, TTCN hiện nay về thực chất là hoạt động kiểm tra thường xuyên được tiến hành dưới hình thức pháp lý của một cuộc thanh tra.

Có thể nói, chính sự phân biệt giữa TTHC và TTCN, giữa TTCN và kiểm tra thường xuyên theo chức năng quản lý Nhà nước không rõ ràng đã khiến cho hoạt động thanh tra, kiểm tra của các ngành trở nên dày đặc, chồng chéo, gây bức xúc cho các đối tượng thanh tra, kiểm tra cũng như mối quan tâm lo lắng của lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Mặc dù thời gian qua, các cấp các ngành đã triển khai thực hiện khá nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp phần nào khắc phục tình trạng nêu trên nhưng chỉ là biện pháp tạm thời, thiếu căn bản do hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trên cơ sở nhiều quy định khác nhau trong các văn bản pháp luật.



3. Quy định về thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ TTCN, cộng tác viên thanh tra.

Theo Luật Thanh tra 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ TTCN không được xếp ngạch thanh tra viên và hưởng phụ cấp trách nhiệm thanh tra viên mà chỉ được hưởng chế độ bồi dưỡng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ. Đây là một quy định khá bất cập và thiếu sự công bằng. Bên cạnh đó, việc quy định người được giao nhiệm vụ TTCN là công chức theo khoản 7, Điều 3 và Điều 34 Luật Thanh tra cũng chưa phù hợp với một số ngành mà lực lượng TTCN chủ yếu là viên chức. Ví dụ ở chi cục thuộc sở, chi cục thuộc cục, phần lớn là viên chức thực hiện nhiệm vụ TTCN. Hoặc như ở cảng vụ hàng hải, cảng vụ hàng không, theo quy định, cảng vụ nội địa là cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN. Tuy nhiên, tại cảng vụ chỉ có giám đốc là công chức, còn lại là viên chức và người lao động nên lực lượng TTCN tại cảng vụ không có công chức thanh tra. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc bố trí, sắp xếp, chế độ, chính sách đối với lực lượng TTCN của cảng vụ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của TTCN... Ngoài ra, việc quy định người được giao thực hiện nhiệm vụ TTCN là công chức cũng chưa phù hợp với trường hợp là sĩ quan Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

Bên cạnh đó, pháp luật về thanh tra hiện nay cũng chưa quy định đầy đủ về chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với một số trường hợp công tác tại cơ quan có phụ cấp thâm niên nghề chuyển sang cơ quan TTCN và trường hợp trước đây đã công tác tại cơ quan thanh tra được hưởng phụ cấp thâm niên nghề, sau đó chuyển sang cơ quan khác, nay trở lại cơ quan TTNN. Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch thanh tra, bổ nhiệm vào ngạch thanh tra còn bất cập. Cụ thể, theo Điều 7, Điều 8 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP quy định về

thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra, ngạch thanh tra viên chính (TTVC), thanh tra viên cao cấp (TTVCC) phải đảm bảo giữ ngạch thanh tra viên hoặc tương đương tối thiểu 09 năm (đối với ngạch TTVC) và giữ ngạch TTVC hoặc tương đương tối thiểu 06 năm (đối với ngạch TTVCC) là chưa phù hợp với quy định về chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của ngạch công chức chuyên ngành hành chính tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 9/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính. Quy định về bổ nhiệm các ngạch thanh tra theo thủ tục chuyển ngạch được quy định tại Điều 12 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP là chưa phù hợp về thời gian làm việc giữa người phải thi nâng ngạch TTVC, TTVCC với người được xét chuyển ngạch từ chuyên viên chính bổ nhiệm vào ngạch TTVC; người được xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch TTVCC tạo nên sự không công bằng giữa các ngạch thanh tra và các ngạch chuyên viên.

Ngoài ra, Luật Thanh tra năm 2010 cũng chưa có quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với thành viên đoàn thanh tra, công chức TTCN, cộng tác viên thanh tra, không quy định quyền trưng tập cộng tác viên của cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc huy động người có trình độ, hiểu biết về chuyên môn theo ngành, lĩnh vực tham gia các cuộc TTCN.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai thực hiện Luật Thanh tra trong những năm qua, nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, Luật Thanh tra sửa đổi tới đây cần bổ sung một số quy định sau:

Thứ nhất, làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan thanh tra, người đứng đầu các cơ quan thanh tra phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải

quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Tăng cường tính tập trung thống nhất, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động thanh tra. Tăng cường tính độc lập tương đối của cơ quan và người đứng đầu cơ quan TTNN với thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp; tăng cường mối quan hệ của cơ quan thanh tra cấp trên với cơ quan thanh tra cấp dưới trong công tác, tổ chức, nghiệp vụ thanh tra.

Xây dựng cơ quan thanh tra tập trung, thống nhất theo cấp hành chính ở Trung ương và cấp tỉnh. Thanh tra Chính phủ quản lý thống nhất về tổ chức, hoạt động trong toàn ngành Thanh tra.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện các cơ quan TTCN nhằm thực hiện hiệu quả chức năng kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý và thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ của các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực mà bộ, ngành quản lý trong phạm vi cả nước. Đồng thời, quy định cụ thể việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra, hoạt động thanh tra giữa thanh tra các bộ, ngành, giữa thanh tra ở Trung ương và địa phương, giữa thanh tra cấp tỉnh và cấp huyện; quy định cụ thể về đối tượng, nội dung thanh tra trong TTHC và TTCN.

Thứ ba, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn ngạch, bậc, điều kiện thi nâng ngạch, chuyển ngạch thanh tra phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch cán bộ, công chức do Bộ Nội vụ quy định; điều chỉnh quy định về chế độ hưởng phụ cấp thâm niên nghề cho phù hợp với thực tiễn.

Quy định cụ thể về căn cứ trưng tập cộng tác viên tại các cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên thanh tra trong các cơ quan TTNN./.



Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực

nhằm xóa bỏ tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp

TS. Nguyễn Xuân Trường

Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Ban Nội chính Trung ương



Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng làm việc tại Đắk Lắk năm 2019.

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt tăng trưởng GDP 7,02%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài về triển vọng kinh doanh tại Việt Nam. Chính phủ đang tiếp tục thực hiện nhiều cải cách theo hướng tăng cường đổi mới và khả năng cạnh tranh của khu vực tư nhân

nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng hiện tại. Cùng với nỗ lực thực hiện Chính phủ điện tử và cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp, Chính phủ luôn xác định nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm trong việc hiện thực hóa quan điểm về xây dựng “Chính phủ kiến tạo, hành động và liêm chính”, phục vụ phát triển. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là gỡ bỏ các rào

cản, hoàn thiện thể chế để giải phóng các nguồn lực của đất nước, kiên quyết loại trừ các quy định pháp luật không rõ ràng, không minh bạch, có biểu hiện lợi ích nhóm, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Những nỗ lực nêu trên của Chính phủ rất quan trọng trong bối cảnh tình hình tham nhũng tại Việt Nam vẫn còn khá phổ biến. Theo chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh, tỷ lệ các công ty trả “khoản phí không chính



thức” tăng từ 50% vào năm 2013 lên 64% năm 2014 và không thay đổi ở mức 66% năm 2015 và 2016. Theo một điều tra của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam năm 2017⁽¹⁾, rủi ro tham nhũng cao ở Việt Nam đã đặt ra những thách thức lớn đối với các công ty đa quốc gia. Các công ty này hiện đang chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt của Luật Chống hối lộ quan chức nước ngoài năm 1977. Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tham gia Tiểu Dự án “Hướng dẫn các DNNVV phòng ngừa tham nhũng” năm 2016 - 2017 của VCCI cho rằng tham nhũng là một vấn đề nghiêm trọng, phá hoại môi trường kinh doanh.

Có thể nói, tham nhũng đang là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế của Việt Nam so với các nước Đông Nam Á khác. Tình trạng nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp vẫn đang là vấn đề gây bức xúc trong xã hội. Đồng thời, việc rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, khắc phục những sơ hở, bất cập của chính sách, pháp luật vẫn còn chậm; nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, minh bạch để phòng ngừa tham nhũng.

Để hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm xóa bỏ tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường kiểm soát các thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, thông qua các quy định về đánh giá tác động, cho ý kiến, thẩm định thủ tục hành chính; đồng thời, quy định cụ thể về trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan hành chính Nhà nước trong việc rà soát thủ tục hành chính này nhằm loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết, chưa hợp lý và có chi phí tuân thủ cao. Qua đó, cũng hạn chế tối đa sự tiếp xúc trực tiếp không cần thiết, tiềm ẩn nguy cơ làm phát sinh tham nhũng giữa cá nhân, doanh nghiệp với cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước. Bên cạnh đó, việc đánh giá tác động thủ tục hành chính cũng đảm bảo việc tăng cường trách nhiệm giải trình của

các cơ quan Nhà nước trong quá trình xây dựng văn bản và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đối tượng chịu sự tác động khi tham gia, hoàn thiện văn bản, góp phần nâng cao chất lượng của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Hai là, cần quy định về việc công bố, công khai thủ tục hành chính và công khai tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là một trong các biện pháp, cách thức để minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giám sát cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước trong thực thi công vụ. Bên cạnh đó, người dân, doanh nghiệp cũng nắm bắt được quyền lợi của họ, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện quyền giám sát của mình.

Ba là, cần hoàn thiện các quy định xây dựng nền công vụ minh bạch, liêm chính, phục vụ, nhất là công khai, minh bạch trong đấu thầu; sửa đổi quy định về tặng quà và nhận quà tặng theo hướng tăng cường tính tự giác và có chế tài nghiêm khắc đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

Hoàn thiện và quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về phòng ngừa, phát hiện và xử lý bước đầu hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Khắc phục những hạn chế của việc chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng. Hoàn thiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập nhằm kiểm soát chặt chẽ thu nhập và biến động tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; tăng cường thực hiện Đề án Thanh toán không dùng tiền mặt, kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, rửa tiền.

Bốn là, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội, nhất là với các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng như quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; quản lý thị trường tài chính, tiền tệ; cấp phép đầu tư; đầu tư xây dựng cơ bản; giáo dục, y tế.

Để làm được điều này, cần tiếp tục thực hiện tốt việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong từng lĩnh vực cụ thể, trong đó có hoạt động giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp. Ví dụ, Luật Đất đai quy định phải công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất... Luật Giáo dục quy định phải công khai việc tuyển sinh, thi, cấp văn bằng chứng chỉ, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, việc thu, chi các khoản lệ phí, đóng góp.

Năm là, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường kiểm soát và quản trị nội bộ. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nếu một tổ chức, doanh nghiệp quản trị nội bộ tốt đồng nghĩa với việc họ có các chương trình chống tham nhũng hữu hiệu. Các nghiên cứu tình huống đã cho kết quả rằng quản trị công ty tốt đối với các công ty con là rất quan trọng để có được những chương trình chống tham nhũng hữu hiệu trong các công ty lớn⁽²⁾.

Sáu là, phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện tham nhũng, gắn với trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chức năng để phục vụ việc xem xét, xử lý vụ việc tham nhũng mà báo chí đã phát hiện, đăng tải, đồng thời bảo đảm cơ chế bảo vệ nguồn tin, bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là nâng cao hiệu quả thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003; tham gia cơ chế đánh giá việc thực hiện Công ước; tổ chức, tham gia các hội nghị và thực hiện các thủ tục đối ngoại liên quan đến Công ước./.

Chú thích:

(1) Báo cáo phân tích rủi ro tham nhũng cho các nhà đầu tư tại Việt Nam, tháng 2/2017;

(2) Ronald E. Berenbeim (2004): Chống tham nhũng ở Đông Á - Giải pháp từ khu vực kinh tế tư nhân, NXB Chính trị quốc gia.



Một chiều bầu trời lảng bãng những cụm mây xám xám, tháng Chín nhón chân tạm biệt, ta dang tay chào đón tháng Mười. Tháng Mười, tháng của những tia nắng tinh khôi, của những khát khao, cháy bỏng và của những ký ức trong tâm hồn người con xa xứ băng khuâng, xuyên xao...

Vậy là những ngày thu trong trẻo rồi cũng qua đi. Heo may nhẹ nhàng trôi về viễn xứ, lá vàng ôm ấp về với đất mẹ. Cánh diều chiều chấp chới bay trên không trung trong một chiều tĩnh lặng. Ở cửa nhỏ lại đón chào cái se lạnh khe khẽ. Ta thấy nhớ một đêm chuyển mùa, tháng Mười yêu thương với những tấm chăn của mẹ, sáng tinh giắc cuộn tròn vào hơi ấm mà hít hà, mà lim dim tận hưởng. Tháng Mười hồi còn ở quê sẽ bắt đầu bằng một chậu nước ấm mẹ đặt ngay cạnh giường, một chiếc khăn lau vắt sẵn và một nồi khoai xéo ấm sục đang bốc khói nghi ngút thơm lừng dưới bếp.

Tháng Mười của những nỗi nhớ xa xưa là bao ký ức rưng rưng về mẹ. Mẹ ta, một bà mẹ của đồng quê, chân lấm tay bùn, tất tả sớm hôm. Tháng Mười có mùa gặt đang chờ bàn tay mẹ hái, những hạt thóc mẩy tròn chờ mẹ thu. Mùa gặt về trong tháng Mười, đượm mùi mồ hôi của mẹ. Mẹ gánh gồng qua những

triền đê, bàn chân gầy run run trong gió lạnh. Chân mẹ bước thật chậm, và tìm ta thì buốt nhói. Có bầy chim chèo bẻo đậu trên cây bạch đàn cứ lú lo như vẽ thêm vào khung cảnh tháng Mười đồng quê nhộn nhịp, hòa vào nhịp bước kéo kẹt quang gánh mẹ mang. Thương mẹ, thương quê, thương tháng Mười giá buốt. Thương cả những khó khăn, kiếp người chông chênh xuôi ngược. Cả cuộc đời chẳng biết khi nào hết khổ đau.

Tháng Mười là khi dáng cha cặm cui dưới đồng sâu, bàn chân cha nứt nẻ, miệt mài với những đường cày, những lần đổ ải thúc trâu để kịp gieo hạt đúng vụ. Sau tháng Mười thôi, mầm xanh của cha sẽ bùng lên hi vọng. Cha ủ ấp, gieo niềm tin vào mầm xanh, vào những đứa con quê mùa cho mai sau. Có những ngày ta trở lại thửa đất cũ năm xưa, trong lòng chắt chứa một niềm đau dai dẳng. Không biết cha đã phải đánh đổi bao nhiêu tháng Mười trong đời người cực khổ để cho ta phút giây trên phố thị phồn hoa. Để đánh đổi cho những tháng ngày rong ruổi nơi chốn thị thành, dẫu chân cha đã in không biết bao nhiêu trên mảnh đất bùn. Lòng mơ tưởng một lần nắm tay cha đi trên phố, quên đi ruộng đồng. Nước mắt tuôn rơi tự lúc nào, đẫm gối.

Những ngày sống nơi phố thị ta lại nhớ tháng Mười quê nhà xiết bao. Những ngày tháng Mười ở quê sao mà bình yên đến thế.

Nhớ một buổi chiều tháng Mười hanh hao cùng mẹ giặt giũ phơi phóng quần áo, chăn mùng và các hạt giống. Một vài chú sẻ trên tàu cau lách chích như hân hoan cùng tháng Mười tươi đẹp. Mẹ nhoèn miệng cười trong nắng, những vết chân chim lấp lánh nơi khóe mắt trong niềm vui cùng con cái. Rồi thể nào mẹ cũng chiều lòng những đứa con mà vào bếp nấu ngay một nồi chè sắn to đùng. Cả nhà quây quần bên mâm chè sắn nghi ngút khói tỏa, hạnh phúc nói cười. Mùi chè sắn tháng Mười mãi là mùi gây thương nhớ mà bất kể đứa con nào khi xa quê cũng nhớ về. Trước sân nhà, những đóa cúc mâm xôi nở rộ vàng tươi. Ta vươn vai nhìn về phương đông đón màu nắng óng ả. Nắng như dát vàng trên cành cây, ngọn lá, nắng xua tan những giá lạnh, cái màu ảm đạm bầu trời mùa đông. Và, nắng hong lại vết ký ức cũ mềm, hong những yêu thương nồng nàn, dịu ngọt...

Có những ngày tháng Mười như ngày hôm nay, ký ức trong ta lại ủa về thật khẽ, để lòng ngân lên, tìm lại dư vị bình yên thuở nào. Mãi là những ngày tháng Mười tươi đẹp. Nơi đó bao nhiêu kỷ niệm cùng ta đi theo năm tháng, nơi đó bóng hình quê hương, bóng hình mẹ cha hiện rõ. Bất chợt ta nghe lòng rung rúc nhớ về những ngày đã xa...

Đào Thanh Tùng



TRỤ CỘT

 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh



Toại quen và yêu Thụy thời gian hai năm. Hai năm, đủ để anh hiểu và biết ít nhiều về tính cách của Thụy. Anh cảm nhận đây là một người sẽ chăm lo cho tổ ấm gia đình mình trọn vẹn. Bởi thế, khi công việc đã khá ổn định anh dẫn Thụy về nhà ra mắt bố mẹ và xin làm đám cưới. Buổi gặp gỡ ban đầu, bố mẹ Toại khá hài lòng bởi nhìn thoáng qua thôi, Thụy có một nét đẹp hiền dịu. Đặc biệt, cách cư xử, ăn nói nhẹ nhàng, tháo vát của Thụy trong bữa cơm đầu tiên khiến cho bố mẹ Toại rất hài lòng. Nhưng về lâu về dài, ông bà vẫn nhắc nhở Toại tìm hiểu kỹ về gia cảnh của Thụy, về họ hàng, anh em, bố mẹ.

Toại nhớ, những lần Thụy đưa anh về nhà, chỉ có mẹ và Thụy ăn cơm cùng Toại. Thường Thụy nói bố đi công tác xa, không

về. Vài lần như thế Toại cũng hơi băn khoăn, nhưng trong ngôi nhà mẹ con Thụy ở, bức hình bố và mẹ Thụy vẫn treo trên tường, điều đó khẳng định gia đình Thụy vẫn bình thường. Và hơn nữa, Toại yêu Thụy rất nhiều, anh yêu cô từ nét đẹp dịu dàng cũng như sự khéo léo, tinh tế của cô. Anh thường ngồi rất lâu trong quán cà phê quen của hai người và ngắm nhìn Thụy một cách say sưa. Kể cả giọng nói của Thụy cũng làm anh cảm mến. Anh thường cầm lấy đôi bàn tay của Thụy, điều rất lạ là nó to, thô và hơi cứng. Thụy thường cười gượng gạo, nói rằng hồi nhỏ cuộc sống ở quê vất vả, cô theo bố mẹ đi làm ruộng, những công việc lật vật trong gia đình bố mẹ đều dạy cho anh em trong nhà làm hết. Chính bởi vậy, tay cô không phải là bàn tay mượt mà, mười ngón thon dài, đẹp đẽ búp măng như bao cô gái khác.

Toại áp bàn tay ấy lên má mình, yêu thương dâng đầy lồng ngực.

Lần thứ hai sau khi kết hôn, trở về nhà Toại bắt gặp Thụy đang lụi cụi cầm búa đóng lại mấy cây đinh trong nhà. Anh ngạc nhiên lắm, bởi anh nghĩ Thụy không phải mẫu người con gái thích làm việc đàn ông theo kiểu đó. Anh hơi gắt:

- Em làm sao vậy? Anh đã nói những công việc đó em cứ để anh làm, đó là việc của đàn ông trong nhà mà em.

Thụy buông chiếc búa xuống, gương mặt cô có chút u buồn:

- Là tại... em thấy anh bận quá nên những cái nhỏ nhặt này em tự làm được, nó cũng không khó mà.



+ Nhưng trong gia đình này, anh là đàn ông mà, em hãy để cho anh thể hiện mình là một người trụ cột, em nhé!

Thụy vâng lí nhí trong miệng.

Thụy có một gia đình không vẹn nguyên. Bố và mẹ ly hôn khi Thụy học lớp sáu, anh trai học lớp mười và chị gái học lớp tám. Hồi đó, khi những trận cãi vã, xô xát nhau diễn ra ngày càng nhiều, mẹ quyết định chia tay bố. Mẹ nói với ba anh em Thụy:

- Có thể mẹ chịu đựng được để nuôi các con khôn lớn, nhưng mẹ chỉ sợ những đòn roi làm mẹ kiệt sức khi các con chưa thể trưởng thành. Vì thế các con đồng ý cho mẹ rời xa ngôi nhà này, điều duy nhất mẹ mong muốn là chăm lo được cho cả ba anh em.

Nước mắt giàn giụa, bốn mẹ con ôm nhau khóc rưng rức. Thế là tòa giải quyết li hôn, Thụy được ở với mẹ, còn anh trai, chị gái ở với bố. Những năm tháng khó khăn, bố luôn tìm cách gây khó dễ cho mẹ con Thụy. Cô nhớ, khi tòa án lên kê khai tài sản, tổng tài sản gia đình chỉ có một ngôi nhà ngói ba gian, một con heo nái mẹ chăm bẵm từ nhỏ và những thứ lặt vặt trong gia đình. Sau này khi vô tình đọc được bản quy đổi tài sản đó, cô mới biết nó chỉ đáng giá mười ba triệu đồng. Tòa chia cho bố căn nhà, mẹ con heo nái và mẹ có trách nhiệm phụ cấp thêm cho bố nuôi hai anh chị. Thụy về với mẹ, dựng một căn lều nhỏ, buôn bán tạp hóa ngay đầu chợ. Ban đầu, hai mẹ con cứ thế nương nhờ nhau trong cái góc nhỏ hẹp ấy. Được cái mẹ có duyên bán hàng, nên từ khi mở tạp hóa ra, khách khứa trong làng đều tập trung mua ở quán mẹ con Thụy. Một buổi ở trường còn một buổi ở nhà phụ mẹ bán hàng, Thụy thường ngồi trên cái ghế gỗ dài, đu đưa hát hò. Có khách thì lon ton tới bán, miệng cũng dẻo quẹo. Hồi đó nghèo nên mỗi lần thấy mấy hóc con trong làng ra mua mì tôm nấu canh, Thụy lại hỏi:

- Nhà có mấy người ăn?

Nếu đứa bé nào nói nhà đông người, thường thì Thụy sẽ nhón tay bốc thêm một nắm mì tôm cho nó. Cô chỉ nghĩ bụng, chắc nhà đó sẽ được nồi canh đầy hơn. Bởi vậy, mẹ nhập một bịch mì tôm to ụynh nhưng

tính qua tính lại cũng chỉ lời được mấy chục nghìn. Mẹ hay thắc mắc:

- Lạ thật, nhà cô Sen bán một bịch mì như nhà mình, cô ấy cũng lời gấp đôi mình ấy con. Hay đại lý cần thiếu cho mình nhỉ?

Thụy cười hì hì:

- Không có đâu mẹ, là tại con bán rẻ hơn cho nhà người ta ấy mà.

Mẹ nhìn Thụy cười âu yếm. Lúc nào bà cũng vậy, hiền lành đến tội nghiệp. Có lẽ vì thế, khi bố Thụy nổi khùng lên, đánh đòn hay làm gì thì mẹ cũng cắn răng chịu đựng. Thụy nhớ khủng khiếp nhất là khi ông bế mẹ Thụy lên, chạy xồng xộc rồi thả ùm xuống giếng. Hôm đó là hôm anh chị đi học buổi sáng, chỉ còn mình Thụy ở nhà. Cô hoảng hốt gào lên trong tuyệt vọng. Ấy vậy mà mẹ lặn ngụp dưới đó, vẫn tỉnh táo gọi với lên:

- Con qua nhà chú Tuyên, kêu chú qua cứu mẹ, nhanh lên!

Nước mắt giàn giụa, Thụy chạy băng băng qua nhà hàng xóm kêu gào để chú hàng xóm qua vớt mẹ lên.

Buôn bán ngày một khâm khá hơn, mẹ thường mua quà bảo Thụy mang về cùng ăn với anh chị. Đối với mẹ, cho dù chia cắt tình cảm của mẹ và bố thì tuyệt đối anh em Thụy cũng không được rời xa nhau. Buổi tối, anh trai đạp xe lạch cạch ra quán đón Thụy về nhà học bài. Học xong anh lại đưa Thụy ra với mẹ. Mặc dù bố vẫn thường cố tình nói những điều không tốt về mẹ nhưng khi đó anh em Thụy đã đủ khôn lớn để hiểu mẹ là người như thế nào.

Một bữa, Thụy mang quả bưởi từ quán về cho anh chị ăn cùng, khi bóc ra thì Thụy dành phần bóc nên chị gái giận dữ, buông một câu:

- Mày đưa ra ngoài đó, mẹ con mày ngồi mà ăn!

Anh trai vừa nghe chị nói xong thì nước mắt lã chã, bay tới đánh chị tới tấp, mặc dù xưa nay anh là người thương hai em nhất. Anh gào lên trong tuyệt vọng:

+ Em không được nói út như thế, em hiểu không, chúng ta là anh em một nhà cơ mà.

Thụy nhớ đó là lần cô giận chị lâu nhất. Mãi một tuần Thụy không về nhà nữa, mẹ

cố gắng hỏi nhưng cô chỉ im lặng, cũng không kể và mỗi khi anh trai ra đón về nhà học, Thụy đều tìm cách trốn ra phía sau vườn, hoặc giả vờ đi đâu đó.

Thụy thay mẹ làm hết công việc của một người đàn ông trong gia đình. Hồi đó, cũng học được những kiến thức ở trường lớp, nên khi mẹ nói ổ điện bị hỏng, Thụy cũng mạnh dạn tháo ra, sửa cho mẹ. Khi bóng đèn không may bị cháy, Thụy cũng là người bắc ghế lên, tháo ra lắp lại cho mẹ. Thụy nhớ có một anh bạn khi bước vào nhà gặp Thụy đang loay hoay lắp bóng đèn, mẹ giữ ghế ở phía dưới, anh ngạc nhiên lắm:

- O, sao Thụy cũng biết sửa điện à?

Thụy cười:

+ Dạ, chút chút thôi anh.

Anh là người trong làng, tất nhiên anh biết câu chuyện giữa bố mẹ Thụy. Thế nên sau này, anh thường lui tới có ý với Thụy, nhưng khi đó đối với Thụy việc học vẫn là ưu tiên hàng đầu nên cô không để ý mọi thứ tình cảm xung quanh.

Toại không biết những thiệt thòi của Thụy. Ngày cưới hồi đó, bố vẫn có mặt trong đám cưới của cô. Và những gì cô dành cho bố, từ lời nói, cử chỉ không khiến cho anh nghi hoặc bất cứ điều gì. Thụy nghĩ, một lúc nào đó cô sẽ kể cho anh nghe câu chuyện của mình, nhưng cứ định nói ra Thụy lại ngập ngừng. Thụy không muốn bối mốt lại quá khứ của mình cho người khác xem. Cũng như cô muốn mọi thứ trong gia đình nhỏ của mình êm ấm. Nếu có thể kể ra để lấy sự cảm thông, san sẻ của Toại thì cô đã làm từ lâu. Có điều không hẳn là Toại sẽ mở lòng, có khi anh lại nổi khùng lên vì sự dối trá của Thụy. Vì muốn bước chân vào ngôi nhà gia thế, quyền quý của Toại mà cô lừa dối anh, khi đó chắc anh cũng chẳng còn tình cảm với cô. Từ ngày cưới xong, Thụy nhận ra trong hôn nhân, không phải tình yêu là thứ duy nhất để duy trì mọi thứ. Thụy không muốn sau này mình gặp những chuyện tương tự như mẹ. Và điều đó khiến cô kiên trì bám trụ lại thành phố, muốn tự mình xây dựng tương lai cho mình và cho con cái sau này được tốt đẹp hơn. Đó cũng



không phải là điều gì quá lớn lao đối với một cô gái xinh đẹp, có học vấn như Thụy.

Thỉnh thoảng, cô bắt chợt hỏi Toại:

- Anh yêu em vì điều gì?

Toại cười:

- Vì em dịu hiền và đúng tiêu chuẩn của một người vợ anh mong muốn, một người con dâu mẹ anh thích.

Thụy cười nhạt:

- Đơn giản chỉ thế thôi à?

Toại quay lại, nhìn Thụy đầy nghi ngờ:

- Ý em là sao?

Thụy lắc đầu:

- À không, em chỉ hỏi vui thế thôi!

Thụy thường có những giấc mơ về thời thơ ấu, có những trận đòn roi của bố khiến cô ám ảnh. Nhưng cũng có những miền ký ức đẹp về một cô bé ngồi ghế gỗ, thỉnh thoảng trèo lên bàn của mẹ nghịch ngợm, nhưng thích bán hàng theo cách riêng của mình. Thích chui trong xô bếp, vừa nấu ăn vừa đọc báo, những tờ báo gom từ tiền ăn sáng mẹ cho. CƠM canh thỉnh thoảng vẫn có mùi hương lạ bởi cứ chúi mũi vào những quyển báo, Thụy thường quên hết thời gian. Mẹ có cái bể nước xây trong nhà, tối om. Thỉnh thoảng bà kêu cô chui xuống, quét dọn cho sạch sẽ. Thụy lén mẹ bỏ một con cá rô vào đó, nuôi với ý nghĩ nó sẽ ăn hết rong rêu trong bể. Thụy thích đứng trên chiếc xe đạp mẹ mua, nhẩy nhót và khoe thành tích học tập cho mẹ. Trong những giấc mơ của mẹ, Thụy nghe tiếng mẹ khóc tức tưởi, cô thường tỉnh giấc khi hai ba giờ sáng, đánh thức mẹ dậy, khi mẹ tỉnh táo cô mới lại nằm xuống tiếp tục giấc ngủ của mình.

Bây giờ với Thụy, giấc mơ không nhuộm màu buồn nhưng thỉnh thoảng cô bị cảm giác bóng đè. Có ai đó cứ dồn hết sức lực dìm cô xuống, khiến cô thở không được.

Cô bắt đầu có thói quen uống cà phê, làm việc muộn và cảm giác ít mặn mà với Toại hơn. Mỗi khi anh gần gũi, cô đều tìm cách từ chối khéo. Hoặc cô giả vờ kéo dài thời gian mỗi tuần chỉ để suy tư vài điều vẩn vơ. Toại thấy cô khác lạ, anh bất an, lo lắng. Những lúc như thế anh thường cầm lấy bàn tay của Thụy, áp vào má mình và ân cần:

- Em ổn chứ?

Thụy cười hiền:

+ Anh vẫn luôn bình lặng như một cái ao bèo. Em không sao cả, chỉ là cảm giác chóng chệnh vì nhớ mẹ và nhớ nhà.

+ Anh đưa em về được mà, chúng ta sắp xếp được em ạ! - Toại vui vẻ.

Thụy dần bỏ thói quen làm những việc của người đàn ông trong gia đình. Cô để Toại ra tay. Những lúc anh vuốt mồ hôi đóng cho con trai đang trong bụng mình một cái cũi hay ra sau góc vườn nhỏ làm một cái giàn để trồng mướp, Thụy đều cảm thấy anh đẹp vô ngần.

Có thể cuộc sống còn dài lắm, khi cu nhóc ra đời, chắc cô sẽ thủ thỉ cho anh nghe về một tuổi thơ dữ dội của mình. Thụy tin chắc tình yêu của anh đủ để nâng đỡ cuộc đời cô qua những sóng gió...

MỒ HÔI CỦA MẸ

(Tặng mẹ nhân Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10)

Mồ hôi mẹ thấm đất cằn

Cho mùa trĩu hạt, cho tầm nhả tơ

Khoai sai củ, ngô trở cờ

Dâu xanh bát ngát đôi bờ phù sa

Mẹ ngược xuôi sớm khuya vất vả

Tay sần chai, chân đất, vai trần

Công mẹ mưa nắng tảo tần

Mồ hôi đổ xuống đất cằn nở hoa

Con thương mẹ một đời vất vả

Mồ hôi thấm ướt vai gầy

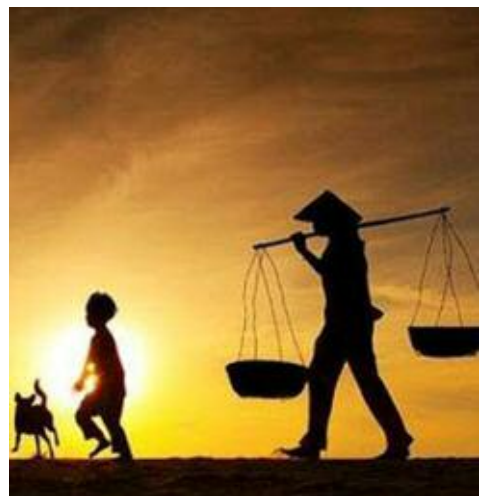
Nuôi con khôn lớn từng ngày

Chấp cho đôi cánh - Con bay vào đời

Mẹ ơi, con biết làm người

Công ơn của mẹ - suốt đời không quên!

Lê Xuân Đạm





Một số quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trong Nghị định 112/2020/NĐ-CP

 TS. Trần Thị Bích Ngọc

Trường Cán bộ quản lý Giao thông vận tải

Ngày 18/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định 112). Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2020, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP năm 2011 về xử lý kỷ luật đối với công chức; bãi bỏ nội dung liên quan đến xử lý kỷ luật viên chức được quy định tại Nghị định số 27/2012/NĐ-CP năm 2012 quy định xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, Nghị định số 35/2005/NĐ-CP năm 2005 về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Chương 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP năm 2011 về công chức xã, phường, thị trấn.

Nghị định 112 bao gồm các nội dung sau:

Về nguyên tắc xử lý kỷ luật

Bên cạnh việc kế thừa các nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trước đây được quy định trong Nghị định 34/2011/NĐ-CP, Nghị định 112 quy định bổ sung nguyên tắc công khai, minh bạch, không tách riêng từng nội dung vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật Đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm; ngoài thời hạn 24 tháng thì hành vi vi phạm đó được coi là vi phạm lần đầu nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật.

Về các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

So với Nghị định 34/2011/NĐ-CP, Nghị định 112 cơ bản vẫn giữ nguyên các quy định liên quan đến các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật.

Tuy nhiên, Nghị định 112 bổ sung và làm rõ hơn một số trường hợp chưa xem xét kỷ luật như:

- Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Nghị định 112 còn bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời được miễn trách nhiệm kỷ luật.

Các hành vi bị xử lý kỷ luật và hình thức kỷ luật

Tại khoản 1, Điều 6, Nghị định 112 quy định các hành vi bị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức là *những*



hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức; những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống hoặc vi phạm pháp luật khác khi thi hành công vụ.

Có 4 mức độ vi phạm, đó là:

- Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng
- Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng
- Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng
- Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng

Tùy theo mức độ của hành vi vi phạm sẽ có các hình thức kỷ luật đối với từng đối tượng tương ứng, các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm (đối với cán bộ); khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc (đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý); khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc (đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý); khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc (đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý); khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc (đối với viên chức quản lý).

Cơ bản, các đối tượng trên khi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng sẽ bị kỷ luật theo hình thức *khiển trách*; nếu tái phạm sẽ bị kỷ luật theo hình thức *cảnh cáo*.

Riêng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý sẽ bị hạ bậc lương khi đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức khi người đó đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm; hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.

Cũng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhưng phải áp dụng hình thức kỷ luật cách chức khi người đó đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức mà tái phạm; hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa đến mức buộc thôi việc, người vi phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa, chủ động khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; hoặc sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm vào chức vụ.

Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm; hoặc có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoặc nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, hình thức kỷ luật buộc thôi việc còn được áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm lần đầu và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Áp dụng hình thức kỷ luật bãi nhiệm đối với cán bộ có hành vi vi phạm theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi và bổ sung năm 2020, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân năm 2015 và quy định khác của pháp luật có liên quan. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bãi nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với viên chức quản lý, áp dụng hình thức kỷ luật cách chức khi người đó đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm; có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất

nghiêm trọng; sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ.

Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với viên chức khi người đó đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý mà tái phạm; hoặc có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; hoặc viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoặc nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Nghị định 112 cũng quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với từng đối tượng cụ thể nói trên, trong đó, có bổ sung quy định này đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu.

Ngoài ra, để đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo của Đảng, Nhà nước và quyền của cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định 112 cũng quy định một số nội dung khác liên quan khi xem xét xử lý kỷ luật; sau khi có quyết định kỷ luật; chế độ, chính sách đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ chức vụ.

Có thể nói, trong bối cảnh Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đang kiên định, kiên trì, kiên quyết phòng, chống tham nhũng; làm trong sạch toàn bộ hệ thống chính trị, thì sự ra đời của Nghị định 112 là thực sự cần thiết. Đây vừa là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng giúp các cơ quan có thẩm quyền dễ dàng hơn trong việc áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời là chế tài có tính răn đe nghiêm khắc nhưng cũng đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo, quyền và lợi ích hợp pháp của người vi phạm./.



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

Ngày 10/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 106/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định 106) về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thay thế cho Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 (sau đây gọi là Nghị định 41), Nghị định 106 quy định về nguyên tắc, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quyết định và điều chỉnh vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định gồm có 5 chương, 21 điều, áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Vị trí việc làm

Khác với Nghị định 41, Điều 5 Nghị định 106 quy định vị trí việc làm được phân loại theo khối lượng công việc hoặc phân loại theo tính chất, nội dung công việc.

Căn cứ xác định vị trí việc làm theo Nghị định 106 bao gồm:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Mức độ phức tạp, tính chất đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi, đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Căn cứ xác định số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập bao



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

gồm:

- Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;
- Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định cụ thể về trình tự phê duyệt vị trí việc làm theo từng loại hình đơn vị sự nghiệp công lập.

Về thời hạn thẩm định, Nghị định 106 có điều chỉnh so với Nghị định 41, cụ thể, trong thời hạn 40 ngày (đối với hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt lần đầu), 25 ngày (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án Vị trí việc làm quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này phải hoàn thành việc thẩm định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ

cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không đồng ý thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị sự nghiệp công lập và nêu rõ lý do.

Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

Về trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm, các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 2, Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.



Các đơn vị này tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Trước ngày 01 tháng 5 hàng năm, bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liền kề về Bộ Nội vụ. Sau thời hạn này, bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liền kề thì Bộ Nội vụ sẽ thông báo tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 01% (một phần trăm) so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.

Nghị định 106 cũng nêu trách nhiệm và thẩm quyền quyết định vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của người đứng đầu bộ, ngành; hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ trưởng Bộ Nội vụ; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cụ thể tại Điều 12, 13, 14, 15, 16 của Nghị định.

Về xử lý trách nhiệm, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý) và hội đồng trường (đối với trường đại học công lập) thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Nghị định 106 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2020.

Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban Dân tộc

Ngày 18/9/2020, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc đã ký ban hành



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Quyết định số 533/QĐ-UBND về kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban Dân tộc. Kế hoạch nhằm đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2020, chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề xuất biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ công tác cải cách hành chính những năm tiếp theo. Đồng thời, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Theo đó, các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tại vụ, đơn vị mình. Đồng thời, thành lập đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra tại các vụ, đơn vị (các vụ quản lý hành chính Nhà nước: Vụ Tuyên truyền, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp chế; các đơn vị sự nghiệp: Nhà khách Dân tộc, Trung tâm Thông tin, Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế).

Đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, nội dung kiểm tra là việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban Dân tộc (Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 31/12/2019), của vụ, đơn vị, việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp; và việc thực hiện công tác

văn thư lưu trữ; công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tại vụ, đơn vị.

Đối với ban dân tộc tỉnh, nội dung kiểm tra là việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của UBND tỉnh và của ban dân tộc tỉnh, tình hình triển khai chính sách dân tộc trên địa bàn.

Dự kiến trong quý IV/2020, đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra trực tiếp tại mỗi đơn vị không quá 3 ngày làm việc. Thời kỳ kiểm tra bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm kiểm tra.

Thành phần đoàn kiểm tra gồm có lãnh đạo, chuyên viên của Vụ Tổ chức cán bộ; Văn phòng Ủy ban; Thanh tra Ủy ban; Vụ Kế hoạch Tài chính; Vụ Tổng hợp; Trung tâm Thông tin.

Đoàn kiểm tra có trách nhiệm triển khai các hoạt động kiểm tra nêu trong kế hoạch này. Các thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm chấp hành sự phân công của trưởng đoàn, phó trưởng đoàn; tham dự đầy đủ các buổi làm việc tại các đơn vị. Từng thành viên đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra theo từng lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của đơn vị mình đối với các đơn vị được kiểm tra. Từ đó, báo cáo kết quả kiểm tra với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc theo quy định./.

Quỳnh An



TÒA ÁN CHỐNG THAM NHỮNG CẤP CAO UKRAINE:

ĐỔI MỚI VÌ MỘT NỀN TƯ PHÁP LIÊN CHÍNH

 Dương Nguyễn



Năm 2018, Ukraine thành lập Tòa án Chống tham nhũng cấp cao (HACC). Thông qua những nỗ lực mạnh mẽ của các tổ chức xã hội dân sự Ukraine và cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế, sự ra đời của tòa án chuyên trách này được xem như một biện pháp hữu hiệu nhằm giải quyết sự kém hiệu quả của các tòa án thông thường tại Ukraine trước vấn nạn tham nhũng cấp cao. Điểm đặc biệt nhất của HACC nằm ở vai trò của các chuyên gia quốc tế trong quá trình lựa chọn tư pháp. Đây là động thái nhằm bảo vệ HACC trước sự ảnh hưởng của tham nhũng.

Mục đích thành lập HACC xuất phát từ nhu cầu nâng cao hiệu quả ngành Tư pháp, cũng như tăng cường tính liên chính và độc lập trong việc giải quyết các vụ án tham nhũng, đặc biệt là những vụ liên quan đến chính trị. Tính năng đặc biệt nhất của HACC là sự tham gia vào quá trình lựa chọn tư pháp của một cơ quan được gọi là Hội đồng Các chuyên gia quốc tế (PCIE), có quyền loại bỏ các ứng cử viên tư pháp nếu các thành viên của Hội đồng có “nghĩ ngờ hợp lý” về tính liên chính của ứng viên. Mặc dù HACC đang có một khởi đầu đầy hứa hẹn, nhưng sự thành công của nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến chất lượng công việc do Phòng Điều tra và Công tố tiến hành.

Vào ngày 07/6/2018, sau thời gian đấu tranh chính trị kéo dài, Quốc hội

Ukraine, được gọi là Verkhovna Rada, đã ban hành Luật Thành lập HACC. Với quyền tài phán trên toàn quốc đối với các vụ án tham nhũng cấp cao, cơ quan tư pháp chuyên trách này chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 2019.

Sự ra đời của HACC

Kể từ khi giành lại độc lập vào năm 1991, Ukraine đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi nạn tham nhũng. Sau cuộc Cách mạng Maidan 2014, Ukraine phát động một dự án cải cách thể chế toàn diện, bao gồm việc thành lập bốn cơ quan chống tham nhũng mới: (1) Cục Chống tham nhũng Quốc gia (NABU), cơ quan điều tra các vụ tham nhũng cấp cao; (2) Văn phòng Công tố viên chuyên trách về chống tham nhũng (SAPO), một đơn vị độc lập trong Văn phòng



Tổng Công tố viên giám sát các cuộc điều tra của NABU và khởi tố các vụ án của NABU; (3) Cơ quan Quốc gia phòng, chống tham nhũng (NAPC), cơ quan quản lý hệ thống kê khai tài sản và tham gia hoạch định chính sách chống tham nhũng; và (4) Cơ quan Quản lý và Khôi phục tài sản (ARMA), tập trung vào việc thu hồi các tài sản bị đánh cắp. Tuy nhiên, các đơn vị điều tra và công tố mới này đã không đem lại thành công như nhiều người kỳ vọng.

Trước thực trạng trên, các nhà hoạt động Ukraine chủ trương thành lập một tòa án chống tham nhũng chuyên biệt. Luật Tư pháp và Địa vị thẩm phán năm 2016 đã cho phép thành lập HACC nhưng không đưa ra các điều khoản cụ thể để áp dụng. Nhiều tổ chức chính trị đã chống lại các lời kêu gọi thành lập tòa án này. Tổng thống Petro Poroshenko ban đầu lập luận rằng, Ukraine nên tập trung vào chống tham nhũng và cải cách tư pháp trên toàn quốc, hoặc có thể thành lập các phòng chống tham nhũng chuyên biệt tại các tòa án hiện hành. Các nhà hoạt động chống tham nhũng Ukraine mặc dù ủng hộ chính sách cải cách tư pháp rộng rãi của Tổng thống, nhưng lại xem điều này vẫn chưa thỏa đáng. Dưới áp lực, Tổng thống Poroshenko cuối cùng đã đề xuất Dự luật HACC vào cuối tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Dự luật đó vẫn bị đánh giá là quá yếu.

Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Liên minh Châu Âu (EU), Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ khác... các nhà hoạt động chống tham nhũng đã duy trì chiến dịch vận động quyết liệt thành lập HACC. Những cơ quan, tổ chức này đã trở thành động lực không thể thiếu trong nỗ lực tạo ra HACC. Những người ủng hộ trong nước đã thuyết phục IMF lấy việc thành lập HACC trở thành điều kiện để Ukraine nhận được 1,9 tỷ đô la tài trợ. Ngoài ra, trong biên bản ghi nhớ tháng 9 năm 2018 với Ukraine, EU cũng đưa ra điều kiện hỗ trợ tài chính tương tự để thành lập HACC. Kết quả, Nghị viện

nước này đã thông qua Dự thảo Luật về việc thành lập HACC vào tháng 3 năm 2018 và sau ba tháng cân nhắc, Luật đã được ban hành vào tháng 6 năm 2018.

Các đặc điểm chính của HACC

Theo cải cách gần đây nhất vào năm 2016, hệ thống tòa án Ukraine được chia làm ba cấp độ. Cấp thấp nhất là các tòa sơ thẩm, bao gồm các tòa án địa phương (có thẩm quyền xét xử hình sự và dân sự), các tòa án hành chính và các tòa án thương mại. Các tòa án này được phân bố khắp cả nước. Cấp thứ hai bao gồm các tòa phúc thẩm được tổ chức thành ba phân khu: Các tòa phúc thẩm thông thường xét xử các kháng cáo từ các tòa án địa phương; các tòa án hành chính phúc thẩm và các tòa án thương mại phúc thẩm xét xử các kháng cáo từ các tòa án hành chính và thương mại. Và đứng đầu hệ thống là Tòa án Tối cao, bao gồm một Hội đồng Xét xử và bốn Tòa Giám đốc thẩm: Thương mại, Hành chính, Dân sự và Hình sự.

Trước khi HACC được thành lập, một vụ án hình sự liên quan đến cáo buộc tham nhũng sẽ được xét xử trước tại một tòa án địa phương trong quận liên quan; bản án có thể bị kháng nghị lên Tòa phúc thẩm và từ đó lên Tòa Giám đốc thẩm hình sự. Trong một số trường hợp nhất định, HACC, có trụ sở tại Kyiv, sẽ thay thế hai cấp đầu tiên trong hệ thống phân cấp này. Cụ thể, quyền tài phán của HACC mở rộng đối với các vụ việc do NABU và SAPO khởi kiện chống lại các quan chức cấp cao (bao gồm các bộ trưởng, đại biểu, thành viên Quốc hội, lãnh đạo cơ quan, thẩm phán, công tố viên và người đứng đầu doanh nghiệp Nhà nước) khi mức thiệt hại vượt quá ngưỡng tiền tệ hiện tại là 968.000 hryvnia (gần tương đương với 39.500 đô la Mỹ). Phòng Xét xử của HACC có 27 thẩm phán (trong đó, 09 thẩm phán chỉ có chức năng điều tra, không xét xử). Các bên có thể kháng cáo các phán quyết từ phòng Xét xử đến Phòng Phúc thẩm - một cơ quan độc lập với 11

thẩm phán. Đặc biệt, cả Phòng Xét xử và Phòng Phúc thẩm đều thuộc một tổ chức duy nhất với Chánh án Phòng Xét xử là người đứng đầu. Các quyết định của Phòng Phúc thẩm sau đó có thể được kháng nghị lên Hội đồng của Tòa Giám đốc thẩm hình sự được thành lập để xét xử các vụ án chống tham nhũng.

Đổi mới căn bản: Quá trình lựa chọn tư pháp

Điểm sáng tạo nhất của HACC là vai trò của các chuyên gia nước ngoài trong quá trình lựa chọn tư pháp. Để hiểu rõ đặc điểm này, trước tiên cần xem lại quy trình thông thường để bổ nhiệm các thẩm phán Ukraine. Theo quy định tại Điều 70 Luật Tư pháp và địa vị thẩm phán năm 2016 của Ukraine: Ứng viên cho chức vụ thẩm phán phải là công dân Ukraine từ 30 đến 65 tuổi, có bằng đại học Luật, có ít nhất năm năm kinh nghiệm làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý và “có năng lực và trung thực”. Một cơ quan gồm 16 thành viên được gọi là Ủy ban Thẩm phán chất lượng cao (HQCJ) sẽ xem xét đơn đăng ký của các ứng viên. HQCJ thực hiện một số bài đánh giá, bao gồm bài kiểm tra kiến thức pháp luật, bài kiểm tra thực hành và đánh giá tâm lý. HQCJ cũng phỏng vấn các ứng viên và thu thập thông tin từ các cơ quan khác, bao gồm Văn phòng Tổng Công tố, NABU, Cảnh sát Quốc gia và Bộ Nội vụ.

Luật Tư pháp và Địa vị thẩm phán năm 2016 của Ukraine đã tạo ra một cơ quan để hỗ trợ HQCJ trong việc xác định tư cách ứng cử viên tư pháp thông qua đánh giá đạo đức nghề nghiệp và tính liêm chính của ứng viên đó là Hội đồng Liêm chính công (PIC). PIC là một cơ quan 20 thành viên bao gồm các đại diện xã hội dân sự, học giả, nhà báo và các chuyên gia khác. HQCJ có thể mời PIC tham gia phỏng vấn các ứng viên tư pháp, mặc dù điều này không bắt buộc. PIC có thể phản đối một ứng cử viên vì lý do đạo đức, nhưng HQCJ có thể bỏ qua phản đối của PIC nếu 11



trong số 16 thành viên HQCJ ủng hộ ứng cử viên. HQCJ chuyển danh sách các ứng cử viên được chấp thuận đến Hội đồng Tư pháp cấp cao (HCJ), nơi đưa ra quyết định cuối cùng và gửi danh sách các thẩm phán được lựa chọn cho Tổng thống. Tổng thống sẽ ký sắc lệnh bổ nhiệm các thẩm phán này trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được danh sách.

Về phần HACC, quy trình lựa chọn của HACC khác ở hai điểm quan trọng. Đầu tiên, người nộp đơn HACC phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (1) Năm năm kinh nghiệm tư pháp, (2) Bảy năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp lý, (3) Bảy năm kinh nghiệm với tư cách là luật sư, hoặc (4) Bảy năm kinh nghiệm kết hợp trong ba lĩnh vực này. Sự khác biệt thứ hai và sáng tạo hơn của HACC là sự tham gia của một cơ quan mới thay cho PIC. PCIE đóng một vai trò tương tự như PIC, nhưng có hai điểm khác biệt chính. Thứ nhất, trong khi PIC bao gồm các công dân Ukraine, thì thành viên của PCIE là người nước ngoài được các tổ chức quốc tế mà Ukraine có thỏa thuận liên quan đến các sáng kiến chống tham nhũng khuyến nghị. Thứ hai, PCIE có quyền từ chối các ứng cử viên.

Các thành viên PCIE hoạt động trong nhiệm kỳ hai năm mà không được bổ nhiệm lại. Quá trình lựa chọn của PCIE hoạt động như sau: Bộ Ngoại giao tổng hợp danh sách các tổ chức quốc tế đủ điều kiện để đề xuất các ứng cử viên PCIE; các tổ chức này trình cho HQCJ một danh sách các ứng cử viên, với mỗi tổ chức có quyền đề xuất ít nhất hai cái tên. HQCJ sau đó đã chọn ra sáu cái tên từ danh sách này. Vai trò chính của PCIE là sàng lọc các ứng viên HACC về tính liêm chính và đạo đức. HQCJ cung cấp cho PCIE một hồ sơ về mỗi ứng cử viên vượt qua cuộc sàng lọc ban đầu; hồ sơ này bao gồm các bản kê khai thu nhập và tài sản của ứng viên, các bản ghi nhớ từ NABU và các tài liệu liên quan khác...

Nếu ít nhất ba thành viên PCIE nghi ngờ về tính liêm chính của ứng viên, PCIE

có thể bắt đầu một cuộc họp chung với HQCJ. Tại cuộc họp này, 22 người tham gia (16 thành viên HQCJ cùng với 06 thành viên PCIE) có thể thu thập thêm thông tin và đưa các ứng cử viên vào để phỏng vấn thêm. Các thành viên HQCJ và PCIE sau đó bỏ phiếu về việc có chấp thuận ứng cử viên hay không, áp dụng tiêu chuẩn “ngghi ngờ hợp lý”. (Nghĩa là, mỗi thành viên chỉ nên bỏ phiếu cho ứng cử viên nếu không có “ngghi ngờ hợp lý” nào về tính chính trực hoặc đạo đức của ứng viên). Để vượt qua giai đoạn này, ứng viên phải nhận được ít nhất 12 phiếu “đồng ý”, với ít nhất ba phiếu bầu đến từ các thành viên PCIE và chín phiếu bầu từ HQCJ (hay còn gọi là “công thức 3 + 9”). Vì vậy, nếu 04 trong số 06 thành viên PCIE phản đối một ứng cử viên, HQCJ không thể chuyển tiếp tên của ứng viên đó cho HCJ. Ngoài ra, nếu sự kết hợp của ba thành viên PCIE trở xuống và tối thiểu chín thành viên HQCJ phản đối một ứng cử viên, ứng cử viên đó cũng không được chọn.

Phần còn lại của quá trình tuyển chọn giống như quy trình dành cho các thẩm phán thông thường. HQCJ hoàn thành việc xem xét và chuyển danh sách các ứng cử viên cho HCJ, cơ quan này sẽ tự tiến hành xem xét và gửi danh sách cuối cùng cho Tổng thống.

Vào tháng 7 năm 2018, HQCJ đã gửi một lá thư đến 14 tổ chức quốc tế được Bộ Ngoại giao xác định là đủ điều kiện, mời các tổ chức này đề cử hai hoặc nhiều ứng viên cho PCIE. Vào tháng 9 năm 2018, năm trong số các tổ chức này (EU, Hội đồng Châu Âu, Văn phòng Chống gian lận Châu Âu, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) đã phối hợp hoạt động, cùng cung cấp cho HQCJ một danh sách tổng hợp 12 ứng cử viên. Việc đệ trình một danh sách chung được xem là bước đi hợp lý nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử giữa các ứng viên PCIE dựa trên cơ sở tổ chức đã giới

thiệu. Không có tổ chức nào khác cung cấp thêm các ứng cử viên.

Việc lựa chọn thẩm phán cho HACC lần đầu tiên đã diễn ra từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. PCIE đã kêu gọi tổ chức các cuộc họp chung để thảo luận về 49 trong số 113 ứng viên đã vượt qua các đánh giá sơ bộ. Sáu cuộc họp đã được tổ chức, 39 ứng cử viên đã bị loại và ba người khác rút lui. Tổng cộng có 71 ứng cử viên trong cuộc cạnh tranh: 52 cho vị trí trong Phòng Xét xử và 19 cho vị trí trong Phòng Phúc thẩm. HQCJ đã đề nghị 27 trong số 52 ứng cử viên cho Phòng Xét xử, và 12 trong số 19 ứng viên cho Phòng Phúc thẩm. HCJ đã chuyển tất cả danh sách ứng cử viên cho Tổng thống, ngoại trừ một ứng cử viên phúc thẩm đã bỏ cuộc. Tất cả 38 thẩm phán đã được chọn và HACC bắt đầu hoạt động vào tháng 9 năm 2019.

Bên cạnh những kết quả tích cực của PCIE trong việc lựa chọn tư pháp, vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi trước những thách thức về mặt pháp lý. Trước hết, một số cho rằng PCIE xâm phạm chủ quyền của Ukraine. Tuy nhiên, sức ảnh hưởng của lập luận này được giảm bớt bởi Quốc hội Ukraine đã ủy quyền cho PCIE và trên thực tế, về mặt pháp lý, PCIE hoạt động như một công ty con của HQCJ, cơ quan này giữ phần lớn quyền lực trong việc lựa chọn các thẩm phán của HACC. Thứ hai, một số ý kiến cho rằng PCIE nên đưa ra nhiều tiêu chí hơn trong việc giới thiệu các ứng cử viên, thay vì chỉ tập trung sàng lọc những ứng viên có vấn đề về tính liêm chính. Thứ ba, PCIE phải hoạt động trong thời gian quá ngắn và gấp rút. Các thành viên PCIE mới được bổ nhiệm vào đầu tháng 11 năm 2018 nhưng đã phải hoàn thành công việc của họ vào cuối tháng 1 năm 2019; họ chỉ có 30 ngày ở Kyiv để xem xét hồ sơ, phỏng vấn ứng viên và đưa ra quyết định. Với lịch trình dày đặc như vậy, và thực tế là các thành viên PCIE không nói được tiếng Ukraina cũng như không có nhiều kiến thức



về Ukraina, vì vậy, Hội đồng phải đối mặt với một nhiệm vụ khó khăn. May mắn thay, Tổ chức Luật Phát triển Quốc tế (IDLO) và Sáng kiến Chống tham nhũng của Liên minh Châu Âu (EUACI) đã thành lập Ban Thư ký (bao gồm các nhà phân tích pháp lý, thông dịch viên và các nhân viên hỗ trợ khác) và các nhà tài trợ khác cũng hỗ trợ xã hội dân sự thực hiện kiểm tra tính liêm chính đối với các ứng viên.

HACC trong tương lai: Triển vọng và thách thức

Còn quá sớm để đưa ra đánh giá về những hoạt động của HACC. Kể từ ngày HACC ban hành hai bản án, một bản án kết tội một thẩm phán khu vực và một bản án khác kết tội phó giám đốc một doanh nghiệp Nhà nước. Trong cả hai trường hợp, các hình phạt đều tương đối nhẹ, nhưng không thể để dự báo hoạt động của HACC trong tương lai. Để giải quyết vấn đề tham nhũng của Ukraina, HACC sẽ cần phải đối mặt với rất nhiều thách thức.

Thứ nhất, thành công của HACC phụ thuộc vào chất lượng công việc do NABU và SAPO tiến hành. HACC chỉ có thể kết tội nếu các nhà điều tra phát hiện ra, và các công

tổ viên đưa ra bằng chứng về hành vi phạm tội ngoài “ngờ ngờ hợp lý”.

Thứ hai, thực tế, các bên có thể kháng cáo quyết định của HACC lên Tòa Giám đốc thẩm hình sự của Tòa án Tối cao. Đây có thể trở thành một mối quan ngại. Bởi các thẩm phán của Tòa án Tối cao đã không trải qua quá trình kiểm tra giống như các thẩm phán HACC.

Thứ ba, một số nhà phân tích cảnh báo về những kỳ vọng không thực tế đối với HACC trong việc đưa ra những kết luận nhanh chóng, quyết liệt về những nhân vật quyền lực. Vai trò của tòa án là thực thi công lý một cách khách quan, do đó không nhất thiết vụ án nào cũng phải kết tội và những kỳ vọng không thực tế có thể dẫn đến những thất vọng không đáng có. Những nhà phân tích đưa ra lời khuyên rằng, HACC cần phải làm dịu kỳ vọng của chính mình và kỳ vọng của toàn thể công dân Ukraina.

Cuối cùng, một số nhà phê bình quan ngại rằng, việc tập trung quá mức vào HACC có thể khiến các nhà hoạt động và cộng đồng quốc tế phân tâm khỏi nhu cầu thực hiện cải cách đối với các cơ quan

khác, như cảnh sát và Văn phòng Tổng công tố. Mặc dù việc thành lập HACC là một thắng lợi lớn, nhưng điều quan trọng là các nhà hoạt động và những người ủng hộ bên ngoài sử dụng thành công này như một chất xúc tác cho những nỗ lực cải cách mạnh mẽ hơn nữa, thay vì coi HACC như một phương pháp chữa bệnh.

Có thể khẳng định, HACC là một nỗ lực chưa từng có để đem lại những cải cách hữu hiệu cho nền tư pháp Ukraine bằng cách tạo ra một tòa án độc lập để giải quyết vấn đề tham nhũng cấp cao. Vòng tuyển chọn thẩm phán cho HACC đầu tiên dường như đã diễn ra tốt đẹp, PCIE đã hoàn thành sứ mệnh sàng lọc các ứng cử viên về tính liêm chính. Tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả của tòa án vẫn chưa thực sự được đảm bảo. Để đem lại thành công trong cải cách tư pháp, Chính phủ, xã hội dân sự và những người ủng hộ phải luôn trong tư thế sẵn sàng, mạnh mẽ và quyết liệt ứng phó với những thách thức mới nảy sinh trong tương lai./.

(Theo U4 Anti-Corruption Resource Centre)

